



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM

BAN KINH TẾ ĐẦU TƯ / PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO



# Bản tin **KINH TẾ VĨ MÔ**

SỐ THÁNG 7/2025



## MỤC LỤC

|                                                    |           |
|----------------------------------------------------|-----------|
| <b>PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI</b>                    | <b>1</b>  |
| 1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 6/2025         | 1         |
| 1.1. Tổng quan chung                               | 1         |
| 1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới             | 3         |
| 2. Dự báo tăng trưởng                              | 10        |
| <b>PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM</b>                   | <b>12</b> |
| 1. Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 6/2025         | 12        |
| 1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội                 | 12        |
| 1.1.1. Sản xuất công nghiệp                        | 13        |
| 1.1.2. Xuất nhập khẩu                              | 13        |
| 1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp              | 14        |
| 1.1.4. Hoạt động đầu tư                            | 15        |
| 1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng                        | 15        |
| 1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ                | 16        |
| 1.2.1. Tăng trưởng tín dụng                        | 16        |
| 1.2.2. Lãi suất                                    | 17        |
| 1.2.3. Tỷ giá                                      | 19        |
| 1.2.4. Chứng khoán                                 | 20        |
| 1.2.5. Lạm phát                                    | 21        |
| 2. Dự báo kinh tế Việt Nam                         | 22        |
| 2.1. Về chủ trương, chính sách                     | 22        |
| 2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam           | 25        |
| <b>PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO</b>    | <b>27</b> |
| 1. Thị trường dầu thô                              | 27        |
| 2. Thị trường khí                                  | 35        |
| 3. Thị trường phân bón                             | 40        |
| 4. Thị trường điện                                 | 44        |
| <b>PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ</b>            | <b>47</b> |
| Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 6 năm 2025 | 49        |



**PHẦN I**

## **KINH TẾ THẾ GIỚI**



### **1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 6/2025**

#### **1.1. Tổng quan chung**

Trong tháng 6/2025, kinh tế toàn cầu tiếp tục diễn biến phức tạp với những tín hiệu tích cực đan xen các rủi ro bất ổn ngày càng gia tăng, đặc biệt là căng thẳng địa chính trị. Tầm điểm của tháng là việc Mỹ và Trung Quốc đạt được thỏa thuận khung vào ngày 11/6, mở ra hy vọng giảm nhiệt căng thẳng thương mại giữa hai cường quốc kinh tế hàng đầu thế giới. Theo đó, Mỹ cam kết áp thuế 55% đối với hàng hóa Trung Quốc, thấp hơn mức dự kiến ban đầu, trong khi Bắc Kinh giữ nguyên mức thuế 10% và đồng ý dỡ bỏ các rào cản xuất khẩu đất hiếm và nam châm sang Mỹ. Đổi lại, Mỹ cho phép sinh viên Trung Quốc tiếp tục theo học tại các trường đại học Mỹ. Thỏa thuận này được đánh giá là tín hiệu tích cực giúp cải thiện tâm lý thị trường, hỗ trợ giá dầu tăng và phần nào giảm áp lực lên chuỗi cung ứng chiến lược toàn cầu.

Tháng 6 chứng kiến lĩnh vực sản xuất toàn cầu ổn định khi cả sản lượng và đơn đặt hàng mới đều quay trở lại tăng trưởng, và việc làm ghi nhận mức giảm yếu nhất kể từ tháng 8 năm 2024.

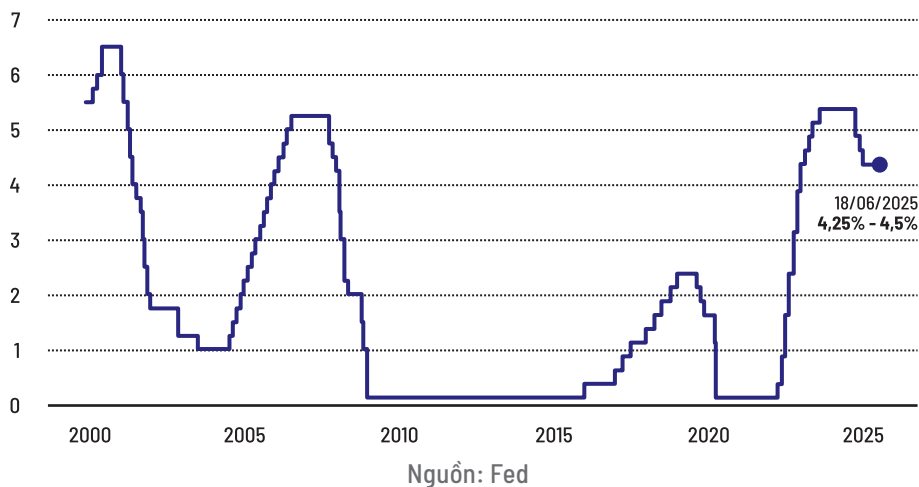
Chỉ số PMI Sản xuất Toàn cầu - đạt 50,3 điểm trong tháng 6, tăng so với mức 49,6 điểm của tháng 5, lần đầu tiên cao hơn một chút so với mức trung lập 50,0 điểm trong ba tháng.

Tuy nhiên, tâm lý lạc quan nhanh chóng bị lu mờ bởi sự leo thang căng thẳng tại Trung Đông. Ngày 13-14/6, các cuộc tấn công qua lại giữa Israel và Iran đã gây ra làn sóng chấn động trên các thị trường tài chính. Việc Iran đe dọa đóng cửa eo biển Hormuz - tuyến vận tải huyết mạch vận chuyển khoảng 20% lượng dầu mỏ và một phần đáng kể khí hóa lỏng (LNG) của thế giới - khiến giá dầu và vàng tăng vọt, trong khi dòng tiền ồ ạt chuyển hướng sang các tài sản trú ẩn khác.

Trong bối cảnh đó, ngày 18/6, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) quyết định giữ nguyên lãi suất cơ bản ở mức 4,25 - 4,5%, nhưng đồng thời cảnh báo về khả năng tăng trưởng chậm lại do tác động từ chính sách thuế quan mới và bất ổn toàn cầu gia tăng.

### DIỄN BIẾN LÃI SUẤT FED QUA CÁC NĂM

Đơn vị tính: %

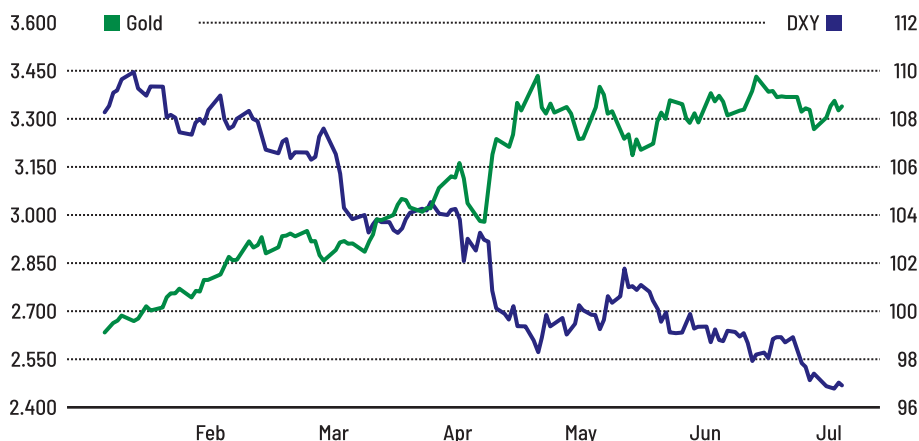


Trái ngược với Fed, một số ngân hàng trung ương lớn của châu Âu như Thụy Sĩ (SNB), Thụy Điển (Riksbank) và Na Uy (Norges Bank)... đã chủ động cắt giảm lãi suất để đối phó với những cú sốc kinh tế. Trong khi đó, các ngân hàng trung ương khác như Nhật Bản (BoJ), Anh (BoE)... cùng nhiều nước đang phát triển vẫn giữ nguyên lãi suất, cho thấy tâm lý thận trọng trong bối cảnh triển vọng toàn cầu còn nhiều bất định.

Đáng chú ý, trong tháng qua, giá vàng liên tục lập đỉnh mới nhờ lực mua mạnh từ các ngân hàng trung ương, coi đây là tài sản phòng vệ trong bối cảnh rủi ro toàn cầu gia tăng. Đồng thời, đồng đô la Mỹ (USD) tiếp tục suy yếu, khi chỉ số Dollar Index đã giảm 10,8% trong 6 tháng đầu năm 2025, gây áp lực lên các nền kinh tế đang vay nợ bằng đồng USD và làm dấy lên lo ngại về vai trò tiền tệ dự trữ của Mỹ.

### DIỄN BIẾN CHỈ SỐ DOLLAR INDEX VÀ GIÁ VÀNG THẾ GIỚI TỪ ĐẦU NĂM 2025 ĐẾN HẾT THÁNG 6/2025

Đơn vị tính: U.S. Dollar Index



(Chỉ số Dollar Index đo lường giá trị của đồng đô la Mỹ so với rổ 6 loại tiền tệ gồm: euro, yên Nhật, bảng Anh, đô la Canada, krona Thụy Điển và franc Thụy Sĩ)

Nguồn: Trading Economics

Một điểm sáng tạm thời xuất hiện vào cuối tháng, khi vào ngày 25/6, Israel và Iran đồng ý với lệnh ngừng bắn tạm thời, giúp giá dầu hạ nhiệt, chi phí vận tải biển giảm và thị trường chứng khoán toàn cầu phục hồi mạnh. Mặc dù vậy, rủi ro xung đột tái bùng phát vẫn hiện hữu, đặc biệt khi Iran tiếp tục để ngỏ khả năng phong tỏa eo biển Hormuz - tuyến hàng hải huyết mạch của thế giới. Bất kỳ gián đoạn nào tại đây đều có thể làm căng thẳng chuỗi cung ứng toàn cầu, đẩy chi phí vận chuyển và bảo hiểm tăng vọt, gây áp lực lớn lên giá thành và sức cạnh tranh của doanh nghiệp, nhất là ở châu Âu.

Bên cạnh đó, ngày 27/6, Liên minh châu Âu (EU) thông báo gia hạn thêm 6 tháng lệnh trừng phạt đối với Nga, càng làm sâu sắc thêm sự phân mảnh của hệ thống kinh tế toàn cầu. Trong dài hạn, việc căng thẳng địa chính trị kéo dài tại nhiều khu vực, chi phí vận chuyển và nợ công gia tăng, cùng với các chính sách thuế cứng rắn từ Mỹ có thể làm tăng chi phí thương mại toàn cầu, suy giảm hiệu quả chuỗi cung ứng, thúc đẩy sự dịch chuyển dòng vốn, qua đó kìm hãm tăng trưởng và cản trở quá trình phục hồi của kinh tế thế giới.

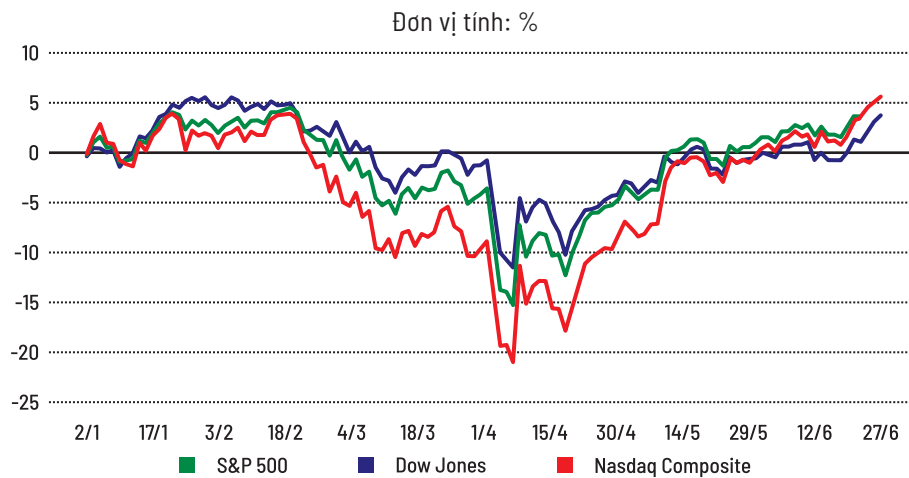
### 1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

#### ■ Mỹ

Ngành sản xuất của Hoa Kỳ đã mở rộng trở lại vào tháng 6, với điều kiện hoạt động được cải thiện mạnh mẽ nhất trong hơn ba năm. Sản lượng tăng lần đầu tiên kể từ tháng 2, và ở mức độ vững chắc, trong khi số lượng đơn đặt hàng mới tăng tháng thứ sáu liên tiếp do nhu cầu trong nước và quốc tế được cải thiện. Tuy nhiên, thuế quan vẫn là một chủ đề phổ biến, ảnh hưởng đáng kể đến quyết định mua hàng và giá cả. Dữ liệu mới nhất cho thấy các nhà sản xuất đang tăng hoạt động mua đầu vào ở mức độ mạnh nhất kể từ tháng 4 năm 2022, đôi khi phản ánh nỗ lực tích trữ hàng tồn kho do bất ổn thương mại và giá cả đang diễn ra. Tuy nhiên, chi phí đầu vào vẫn tăng mạnh, với lạm phát đạt mức cao nhất trong gần ba năm. Xu hướng tương tự cũng được ghi nhận đối với chi phí đầu ra, tăng mạnh nhất kể từ tháng 9 năm 2022. Chỉ số PMI sản xuất của S&P Global US, đã tăng lên 52,9 điểm trong tháng 6, từ mức 52,0 điểm trong tháng 5. Chỉ số PMI mới nhất là mức cao nhất kể từ tháng 5 năm 2022, cho thấy tốc độ tăng trưởng vững chắc. Đây cũng là tháng thứ sáu liên tiếp PMI vượt mốc trung tính 50,0 điểm.

Đặc biệt, trong tháng qua, thị trường chứng khoán Mỹ tiếp tục khởi sắc mạnh mẽ, phản ánh kỳ vọng tích cực của giới đầu tư sau loạt tín hiệu hỗ trợ từ trong và ngoài nước. Việc căng thẳng tại Trung Đông hạ nhiệt, các quan chức Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) phát đi thông điệp ôn hòa, cùng với việc Mỹ và Trung Quốc ký kết thỏa thuận thương mại mới đã thúc đẩy tâm lý thị trường. Đặc biệt, ngày 16/6, Tổng thống Donald Trump ký thỏa thuận giảm thuế nhập khẩu đối với một số mặt hàng từ Anh, bao gồm ngành ô tô và hàng không vũ trụ, góp phần tạo hiệu ứng tích cực. Kết quả là, trong tháng 6, S&P 500 tăng gần 5%, Nasdaq Composite vọt hơn 6% và Dow Jones tăng hơn 4%. Tính chung quý II/2025, các chỉ số này lần lượt tăng hơn 10%, gần 18% và gần 5%, đạt mức cao kỷ lục mới.

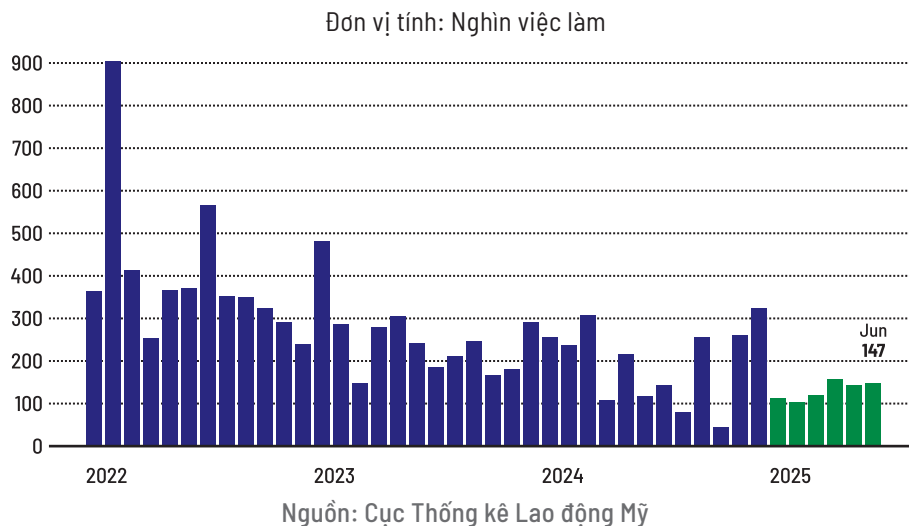
BIẾN ĐỘNG BA CHỈ SỐ CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN MỸ  
TỪ ĐẦU NĂM 2025 ĐẾN HẾT THÁNG 6/2025



Nguồn: CNBC

Bên cạnh đó, thị trường lao động Mỹ cũng ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực trong tháng qua khi nền kinh tế tạo thêm 147.000 việc làm phi nông nghiệp, cao hơn so với 144.000 việc làm của tháng trước. Tỷ lệ thất nghiệp giảm nhẹ từ 4,2% xuống 4,1%, trong khi thu nhập bình quân theo giờ tăng thêm 0,2%, góp phần duy trì sức mua và cải thiện tâm lý tiêu dùng, qua đó hỗ trợ hoạt động bán lẻ và chi tiêu cá nhân phục hồi.

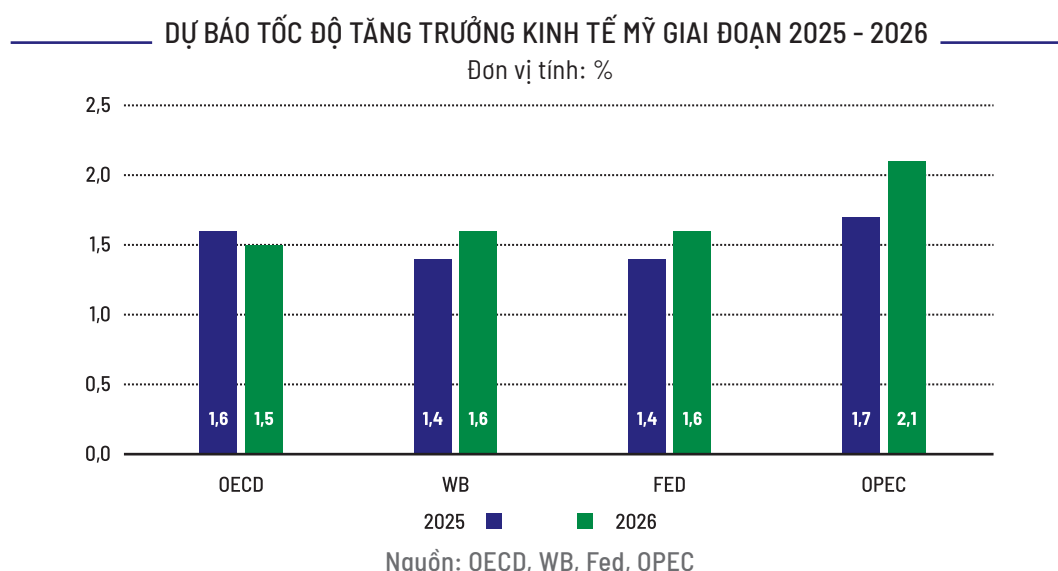
SỐ VIỆC LÀM KINH TẾ MỸ TẠO RA TỪ THÁNG 1/2022 ĐẾN THÁNG 6/2025



Dù ghi nhận một số tín hiệu phục hồi, nền kinh tế Mỹ vẫn đối mặt với nhiều thách thức đan xen. Một mặt, chính sách thuế quan thiếu ổn định của chính quyền Tổng thống Trump tiếp tục gây khó khăn cho doanh nghiệp nhỏ, đặc biệt trong lĩnh vực bán lẻ. Mặt khác, đồng USD suy yếu kéo dài trong nửa đầu năm làm gia tăng lo ngại về vai trò của đồng tiền này trong hệ thống tài chính toàn cầu. Đồng thời, lệnh cấm xuất khẩu antimon từ Trung Quốc kể từ tháng 12/2024 nhằm đáp trả các biện

pháp kiểm soát công nghệ chip của Mỹ đã khiến ngành sản xuất pin rơi vào tình trạng thiếu hụt nguyên liệu nghiêm trọng. Ngoài ra, gánh nặng nợ công, chi phí lãi vay tăng cao và nguy cơ thiếu hụt nhân lực chất lượng cao cũng đang đè nặng lên triển vọng tăng trưởng trong trung và dài hạn.

Dự báo tăng trưởng kinh tế Mỹ trong thời gian tới cũng được các tổ chức quốc tế điều chỉnh theo hướng thận trọng. Cụ thể, ngày 3/6, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) dự báo tăng trưởng kinh tế Mỹ sẽ đạt 1,6% vào năm 2025 và giảm nhẹ xuống còn 1,5% trong năm 2026. Tiếp đó, ngày 10/6, Ngân hàng Thế giới (WB) cũng hạ dự báo tăng trưởng kinh tế Mỹ xuống còn 1,4% trong năm nay và 1,6% vào năm 2026. Cùng chung nhận định, ngày 18/6, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) điều chỉnh giảm triển vọng tăng trưởng kinh tế Mỹ năm 2025 và 2026, lần lượt xuống còn 1,4% và 1,6%. Trái ngược với các tổ chức trên, ngày 26/6, Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) vẫn giữ quan điểm lạc quan khi dự báo tăng trưởng kinh tế Mỹ sẽ đạt 1,7% trong năm 2025 và tăng lên 2,1% vào năm 2026.



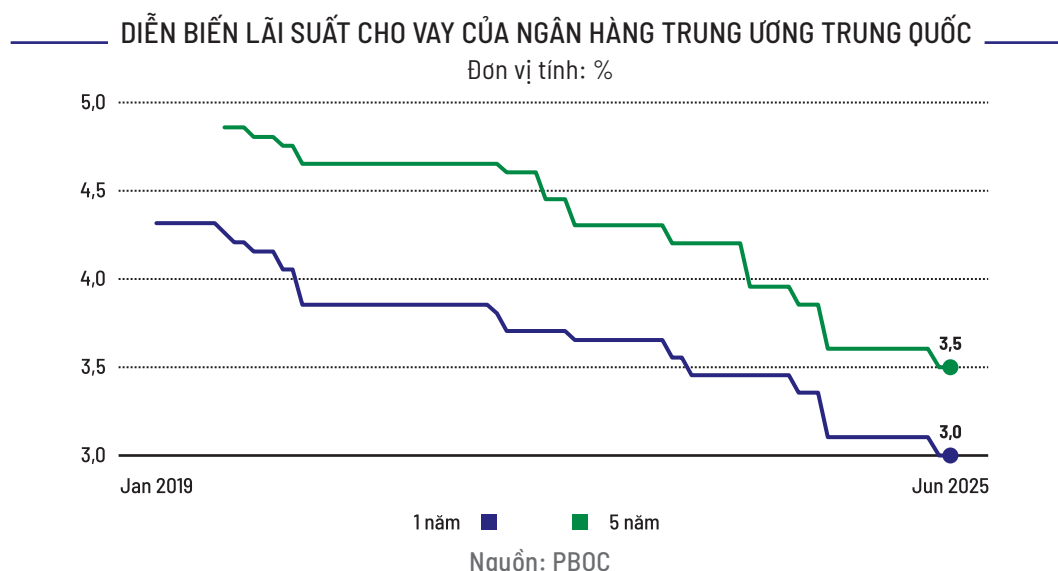
### ■ Trung Quốc

Theo dữ liệu PMI mới nhất, lĩnh vực sản xuất của Trung Quốc đã tăng trưởng trở lại vào cuối quý II. Lượng đơn đặt hàng mới tăng cao hơn đã hỗ trợ cho sự gia tăng trở lại của sản xuất. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng đơn đặt hàng mới chỉ ở mức vừa phải trong bối cảnh xuất khẩu ảm đạm. Niềm tin kinh doanh trong khi đó đã yếu đi kể từ tháng Năm, và các công ty vẫn thận trọng trong việc tuyển dụng nhân sự. Về giá cả, chi phí trung bình đã giảm với tốc độ rõ rệt nhất kể từ tháng Một, điều này lại được hỗ trợ bởi chi phí đầu vào thấp hơn trong tháng Sáu.

Chỉ số PMI sản xuất - đã tăng lên 50,4 vào tháng Sáu, từ mức 48,3 vào tháng Năm. Vượt qua ngưỡng 50,0 điểm, cho thấy điều kiện của lĩnh vực sản xuất đã được cải thiện vào cuối quý II. Chỉ số chính được hỗ trợ bởi sự mở rộng mới trong sản xuất công nghiệp trong tháng 6 sau một đợt giảm nhẹ trong tháng 5. Mặc dù còn kh-

iêm tốn, nhưng tốc độ tăng trưởng là nhanh nhất kể từ tháng 11 năm 2024, và được thúc đẩy bởi các báo cáo về điều kiện nhu cầu vững chắc hơn. Theo các chuyên gia tham gia khảo sát, điều kiện thương mại tốt hơn và các hoạt động khuyến mãi đã hỗ trợ sự gia tăng mới trong số lượng đơn đặt hàng mới. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng đơn đặt hàng mới chỉ ở mức không đáng kể, do nhu cầu bên ngoài vẫn ở mức thấp. Đơn đặt hàng xuất khẩu mới đã giảm trong tháng thứ ba liên tiếp trong tháng 6, mặc dù với tốc độ chậm hơn đáng kể so với tháng 5. Trong khi đó, lần đầu tiên trong ba tháng, số lượng đơn đặt hàng tồn đọng đã được ghi nhận tăng nhẹ.

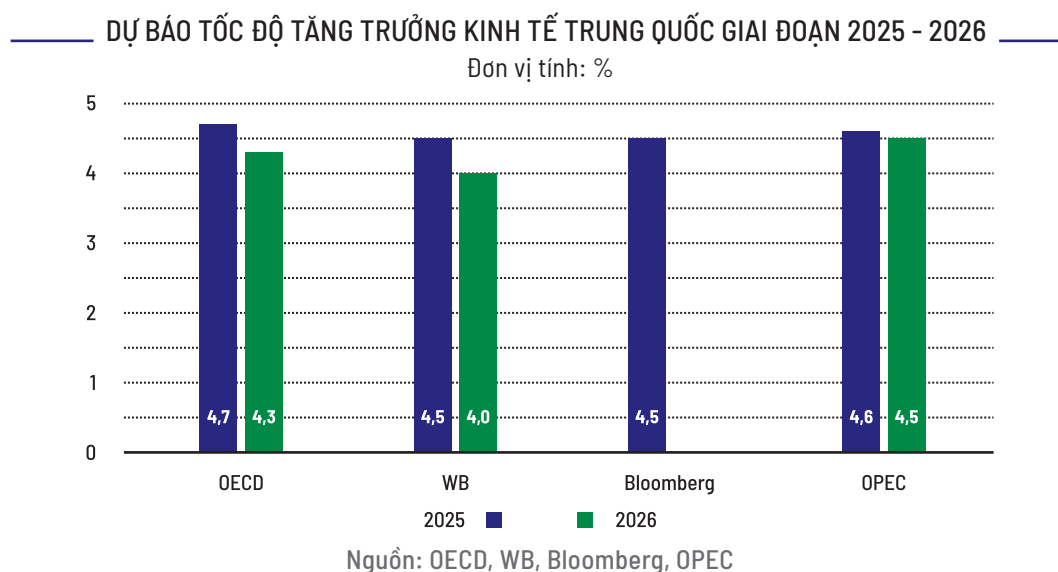
Dù vậy, lĩnh vực thương mại đã phần nào khởi sắc nhờ thông tin Mỹ và Trung Quốc hoàn tất khung thỏa thuận đình chiến thuế quan, qua đó góp phần cải thiện tâm lý thị trường và thúc đẩy đà tăng mạnh mẽ của thị trường chứng khoán Trung Quốc trong tháng qua. Trước bối cảnh đó, ngày 20/6, Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBOC) vẫn quyết định duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng, đồng thời giữ nguyên lãi suất cho vay cơ bản (LPR) kỳ hạn 1 năm ở mức 3,0% và kỳ hạn 5 năm ở mức 3,5% nhằm hỗ trợ hoạt động sản xuất - kinh doanh trong nước.



Bên cạnh đó, Chính phủ Trung Quốc tích cực đẩy mạnh ổn định các lĩnh vực chiến lược nhằm hỗ trợ phục hồi kinh tế. Điển hình là ngành xe điện, nơi đang chịu tác động nặng nề từ cuộc chiến giá cả, buộc chính phủ phải can thiệp quyết liệt nhằm chấn chỉnh tình trạng cạnh tranh không lành mạnh và hỗ trợ doanh nghiệp duy trì sản xuất, ổn định thị trường. Tương tự, các nhà sản xuất pin mặt trời của Trung Quốc gần đây cũng báo cáo thua lỗ nặng nề giữa lúc cuộc chiến thương mại của Tổng thống Mỹ Donald Trump tiếp tục gây sức ép lên ngành công nghiệp năng lượng tái tạo, buộc chính phủ Trung Quốc phải cân nhắc các chính sách hỗ trợ phù hợp để duy trì năng lực cạnh tranh. Đồng thời, Trung Quốc đã triển khai gói hỗ trợ trị giá 10.900 tỷ nhân dân tệ (tương đương 1.500 tỷ USD) nhằm cứu vãn thị trường bất động sản, đi kèm với đó là việc phát triển các lĩnh vực mới như thương mại điện tử xuyên biên giới, du lịch, kinh tế “tầng thấp” (ứng dụng thiết bị bay tầm thấp trong dịch vụ) và kinh tế “tóc bạc” (các ngành phục vụ người cao tuổi), cùng với việc tăng cường ứng dụng công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo và robot nhằm tối ưu chi phí và nâng cao năng suất.

Ngoài ra, Trung Quốc đã bắt đầu nói lỏng kiểm soát xuất khẩu đất hiếm thông qua việc cấp một số lượng giấy phép nhất định, theo thông báo ngày 19/6 của Bộ Thương mại Trung Quốc. Động thái này cho thấy Trung Quốc có thể đang hướng đến việc mở rộng kết nối với chuỗi cung ứng toàn cầu. Trong khi đó, nhằm ứng phó với căng thẳng thương mại kéo dài, nhiều doanh nghiệp Trung Quốc đang tăng tốc dịch chuyển chuỗi sản xuất sang Đông Nam Á để phân tán rủi ro và tìm kiếm cơ hội mới.

Dù Trung Quốc đã thực hiện nhiều nỗ lực cải cách và hỗ trợ thị trường, các tổ chức quốc tế trong tháng qua vẫn đưa ra những dự báo thận trọng về triển vọng kinh tế nước này. Cụ thể, ngày 3/6, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) dự báo tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc sẽ đạt 4,7% trong năm 2025 và giảm xuống còn 4,3% vào năm 2026 - đều thấp hơn mục tiêu 5% do Chính phủ Trung Quốc đề ra. Ngày 10/6, Ngân hàng Thế giới (WB) giữ nguyên dự báo tăng trưởng kinh tế Trung Quốc ở mức 4,5% cho năm 2025 và 4% cho năm 2026. Cùng quan điểm với WB, khảo sát tháng 6 của Bloomberg cho thấy phần lớn chuyên gia kinh tế dự đoán tăng trưởng của Trung Quốc năm 2025 sẽ duy trì ở mức 4,5%, tiếp tục thấp hơn kỳ vọng chính thức. Tương tự, ngày 26/6, Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) cũng dự báo tăng trưởng kinh tế Trung Quốc đạt 4,6% vào năm 2025 và 4,5% vào năm 2026.



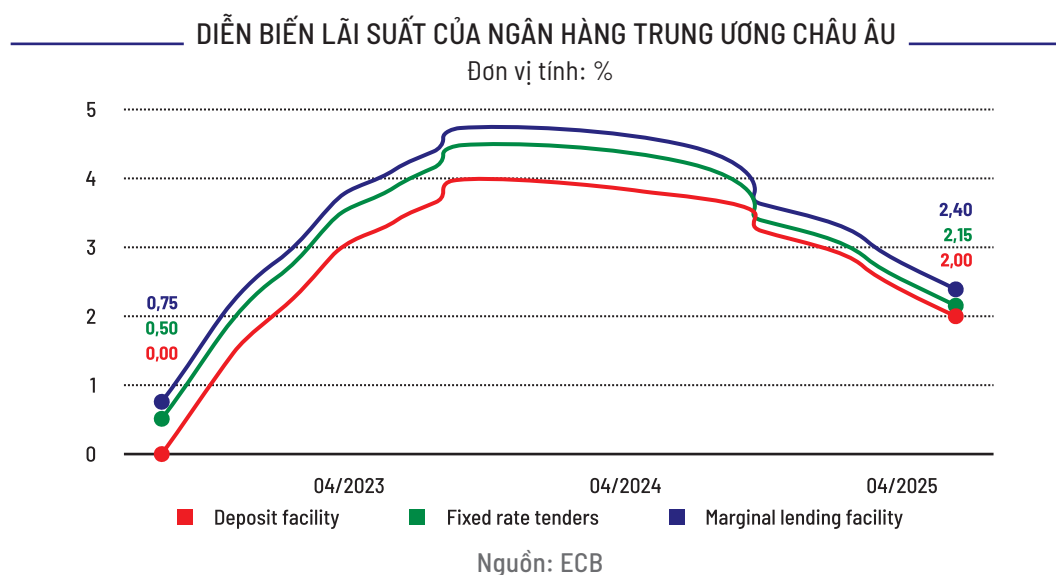
### ■ EU

Dữ liệu tháng 6 cho thấy sự mở rộng sản lượng liên tục trên toàn bộ khu vực sản xuất của khu vực đồng euro, mặc dù đã có sự mất đà nhẹ kể từ tháng 5. Tổng số việc làm mới đã ổn định trong kỳ khảo sát gần đây nhất, qua đó chấm dứt giai đoạn suy giảm kéo dài 37 tháng. Doanh số bán hàng cho khách hàng xuất khẩu cũng không thay đổi trong tháng, qua đó đã ngăn chặn sự suy thoái liên tục kể từ tháng 3 năm 2022. Với mức 49,5 vào tháng 6, tăng nhẹ so với mức 49,4 vào tháng 5, Chỉ số Quản lý Mua hàng (PMI) Sản xuất Khu vực đồng euro (HCOB), đã đạt mức cao nhất kể từ tháng 8 năm 2022. Mặc dù vẫn dưới ngưỡng trung tính 50,0 nhưng chỉ báo hiệu

một sự suy giảm nhẹ trong điều kiện sản xuất. Số lượng nhân sự giảm và lượng hàng tồn kho mua hàng thấp hơn là những tác động tiêu cực đến chỉ số PMI chung trong tháng 6, trong khi sản lượng tăng có tác động tích cực.

Tình hình kinh tế khu vực Liên minh châu Âu (EU) trong tháng 6/2025 tiếp tục cho thấy xu hướng phục hồi chậm và tiềm ẩn nhiều rủi ro dài hạn. Lạm phát tại khu vực này đã tăng nhẹ lên mức 2%, so với 1,9% ghi nhận trong tháng 5. Nguyên nhân chủ yếu là do đà giảm của giá năng lượng đã chậm lại, trong khi giá dịch vụ vẫn duy trì ở mức cao, bất chấp việc đồng euro đang mạnh lên rõ rệt. Cụ thể, trong tháng qua, đồng euro đã tăng hơn 3%, phản ánh phần nào niềm tin ngắn hạn của thị trường vào sự ổn định tài chính, song đồng thời cũng tạo ra áp lực lên xuất khẩu và ngành du lịch của khu vực do chi phí tăng cao.

Trong bối cảnh đó, nhằm hỗ trợ tăng trưởng và duy trì lạm phát ổn định quanh mục tiêu, ngày 5/6, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã hạ 25 điểm cơ bản đối với cả ba loại lãi suất chính sách, đưa lãi suất tái cấp vốn xuống 2,15%, cho vay cận biên 2,40% và tiền gửi 2%, các mức lãi suất này bắt đầu có hiệu lực từ ngày 11/6. Quyết định này cho thấy nỗ lực liên tục của ECB trong việc hỗ trợ nền kinh tế chống chịu và phục hồi tốt hơn, đặc biệt trong bối cảnh nhiều rủi ro đang hiện hữu.



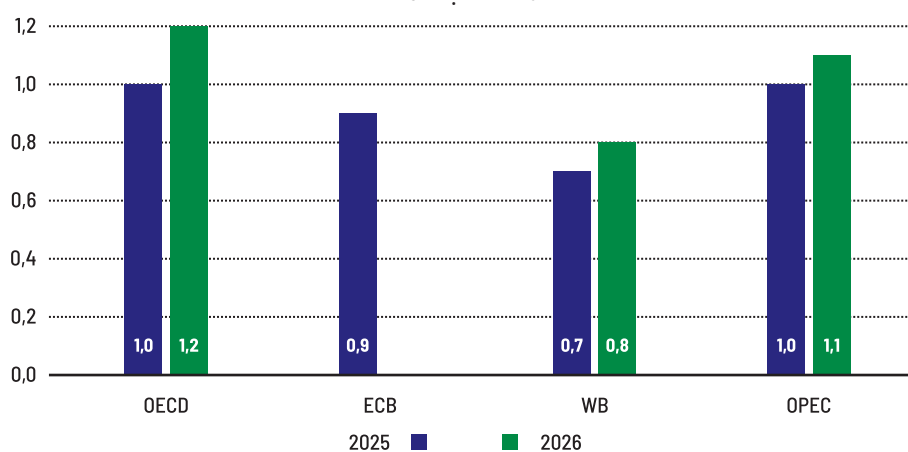
Tuy nhiên, nền kinh tế EU vẫn đang phải đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng trong trung và dài hạn. Một trong những mối đe dọa cấp bách là vấn đề an ninh năng lượng, khi căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông ngày càng leo thang. Nguy cơ Iran phong tỏa eo biển Hormuz - tuyến hàng hải trọng yếu đối với hoạt động vận chuyển dầu mỏ và khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) từ các quốc gia vùng Vịnh - đang khiến châu Âu đứng trước nguy cơ thiếu hụt nguồn cung năng lượng trầm trọng. Nếu kịch bản này xảy ra, giá năng lượng toàn cầu có thể tăng vọt, kéo theo áp lực lạm phát quay trở lại, đồng thời gây tê liệt hoạt động của nhiều ngành công nghiệp then chốt như luyện kim, hóa chất và vận tải trong khu vực.

Bên cạnh đó, các xung đột địa chính trị kéo dài, đặc biệt là chiến sự giữa Nga và Ukraine, tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến chuỗi cung ứng, môi trường đầu tư và ổn định tài chính của EU. Ngày 27/6, EU đã quyết định gia hạn thêm 6 tháng các biện pháp trừng phạt kinh tế đối với Nga. Trong khi đó, các động thái đáp trả từ phía Nga vẫn đang tiếp diễn, làm gia tăng bất ổn khu vực. Những căng thẳng này không chỉ khiến giá nguyên vật liệu đầu vào tiếp tục neo cao, mà còn buộc các quốc gia thành viên phải tăng chi tiêu quốc phòng, từ đó thu hẹp không gian tài khóa dành cho đầu tư phát triển và chuyển đổi xanh. Ngoài ra, các vấn đề dài hạn khác như biến đổi khí hậu, thiên tai và khủng hoảng di cư cũng đang đặt ra nhiều thách thức đối với năng suất nông nghiệp, an ninh lương thực và ổn định xã hội tại nhiều khu vực trong khối.

Về triển vọng tăng trưởng kinh tế, trong tháng qua, các tổ chức quốc tế lớn tiếp tục đưa ra các dự báo thận trọng cho khu vực EU. Ngày 3/6, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) dự báo GDP của Eurozone được kỳ vọng tăng 1% trong năm 2025 và 1,2% trong năm 2026. Tiếp đó, ngày 5/6, ECB cũng duy trì dự báo tăng trưởng khu vực EU năm 2025 ở mức 0,9%. Trong khi đó, ngày 10/6, Ngân hàng Thế giới (WB) đưa ra dự báo còn thấp hơn dự báo của ECB, với mức tăng trưởng dự kiến chỉ đạt 0,7% năm 2025 và 0,8% năm 2026. Với nhận định tích cực hơn, ngày 26/6, Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) dự báo GDP của Eurozone sẽ tăng 1,0% trong năm 2025 và 1,1% trong năm 2026.

### DỰ BÁO TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CHÂU ÂU GIAI ĐOẠN 2025 - 2026

Đơn vị tính: %



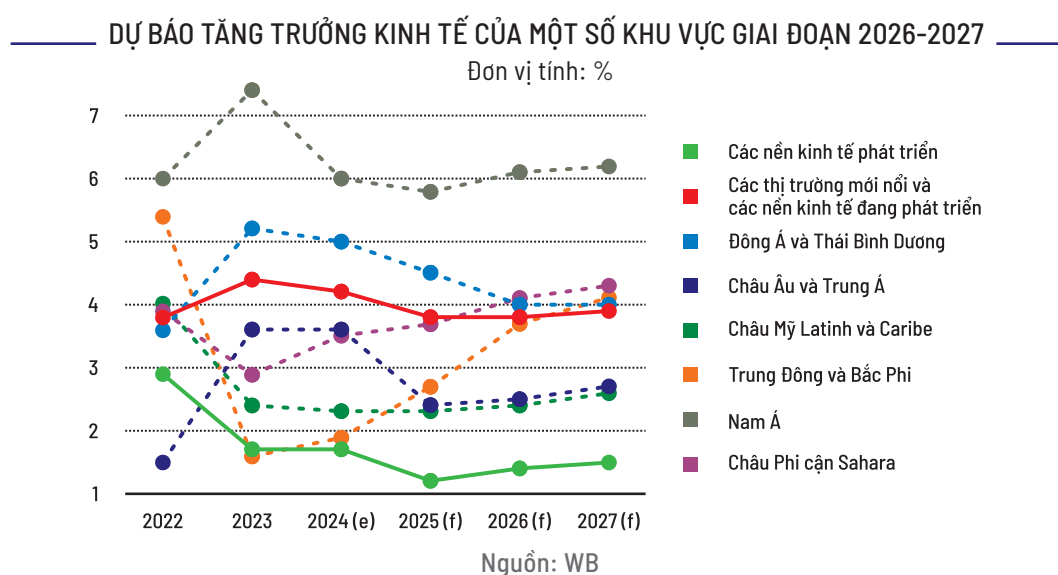
Nguồn: OECD, ECB, WB, OPEC

## 2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

Trong tháng 6/2025, trước làn sóng bất ổn lan rộng trên toàn cầu, nhiều tổ chức quốc tế đã tiến hành điều chỉnh dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới, phản ánh tâm lý lo ngại ngày càng gia tăng trước những tác động tiêu cực của chủ nghĩa bảo hộ thương mại, chính sách thuế quan khắt khe và những căng thẳng địa chính trị leo thang.

Ngày 3/6, *Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD)* dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2025 và 2026 sẽ chỉ đạt 2,9%, đồng thời cảnh báo rằng các chính sách thuế quan cứng rắn của Tổng thống Mỹ Donald Trump có thể làm gia tăng lạm phát, gây đứt gãy chuỗi cung ứng và làm trầm trọng thêm biến động tài chính toàn cầu.

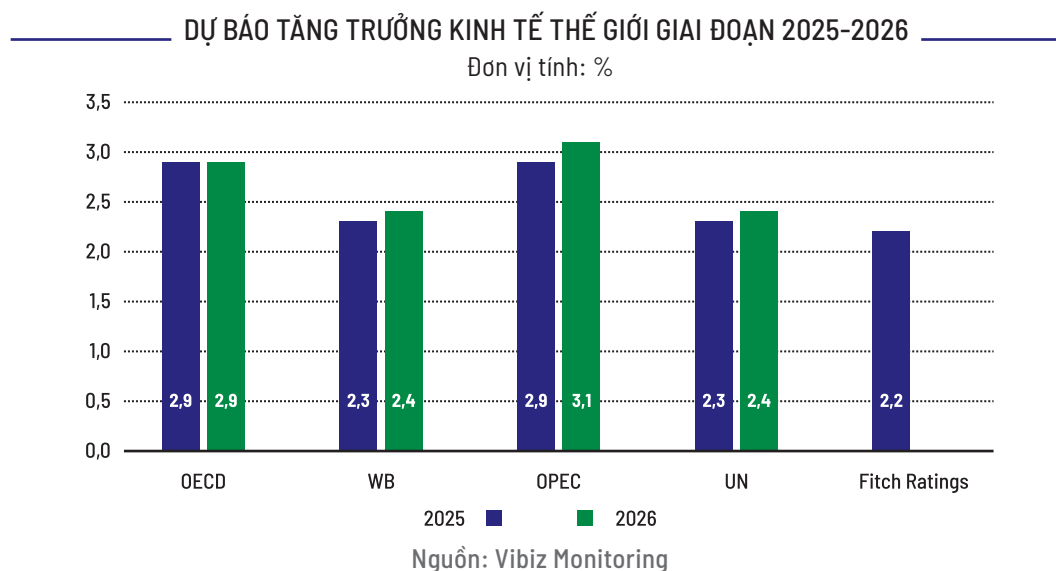
Đến ngày 10/6, *Ngân hàng Thế giới (WB)* cũng hạ mạnh dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2025 xuống còn 2,3% và dự báo năm 2026 sẽ phục hồi nhẹ lên mức 2,4%. WB cho rằng mức thuế cao và môi trường bất ổn đã trở thành lực cản chính đối với phần lớn các nền kinh tế, trong đó có Mỹ, châu Âu và nhiều quốc gia mới nổi. *Dự kiến đến năm 2027, tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu chỉ đạt 2,5%*, đồng thời cảnh báo tiến trình toàn cầu hóa đang bị đảo ngược và gần 2/3 nền kinh tế đang phát triển sẽ chịu tác động tiêu cực từ chiến tranh thương mại.



Trong khi đó, ngày 26/6, *Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC)* đã công bố báo cáo cập nhật, trong đó giữ nguyên dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu ở mức 2,9% cho năm 2025 và 3,1% cho năm 2026. Việc OPEC không điều chỉnh giảm dự báo phản ánh phần nào sự tin tưởng rằng nhu cầu tiêu thụ năng lượng, đặc biệt là dầu mỏ, sẽ tiếp tục được duy trì ở mức ổn định trong trung hạn, bất chấp những bất ổn về chính trị và xu hướng tăng cường bảo hộ thương mại toàn cầu.

Cũng trong tháng qua, *Liên hợp quốc (UN)* dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2025 đạt lần lượt là 2,3% và 2,4%, cùng điều chỉnh giảm 0,4 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra trong tháng 01/2025.

Trái ngược với UN, *tổ chức xếp hạng tín nhiệm Fitch Ratings lại thể hiện cái nhìn lạc quan hơn khi điều chỉnh tăng dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2025 lên mức 2,2%, cao hơn 0,3 điểm phần trăm so với dự báo hồi tháng 4/2025*. Sự điều chỉnh này phần nào phản ánh niềm tin của FR vào khả năng phục hồi của một số nền kinh tế chủ chốt trong bối cảnh thế giới còn nhiều bất định.





PHẦN II

## KINH TẾ VIỆT NAM

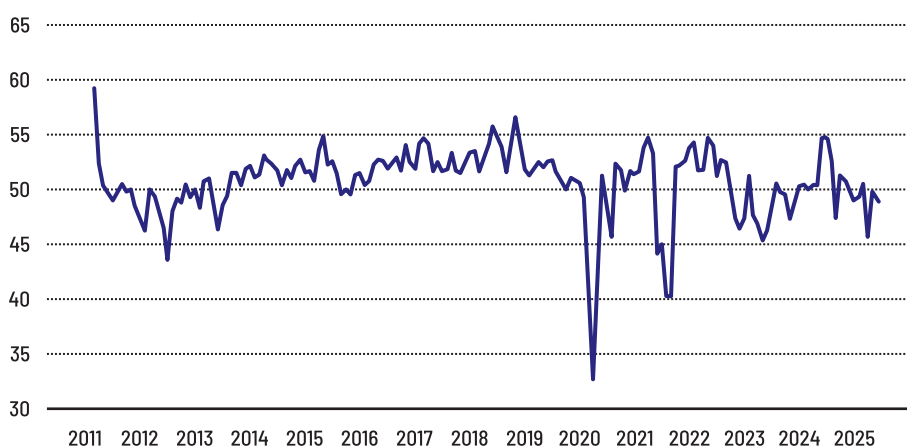


### 1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 6/2025

#### 1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

Trong tháng 6/2025, chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam tiếp tục giảm xuống còn 48,9 điểm từ mức 49,8 điểm của tháng 5, đánh dấu tháng thứ ba liên tiếp chỉ số này duy trì dưới ngưỡng 50 điểm - ngưỡng phân định giữa mở rộng và thu hẹp hoạt động sản xuất. Diễn biến này phản ánh sự suy giảm nhẹ nhưng rõ rệt trong điều kiện kinh doanh, đặc biệt là khi số lượng đơn đặt hàng mới tiếp tục giảm, với tốc độ giảm nhanh hơn tháng trước. Nhu cầu sụt giảm đặc biệt mạnh tại các thị trường xuất khẩu, khiến lượng đơn hàng từ nước ngoài giảm sâu hơn so với tổng đơn hàng mới. Tình trạng này kéo theo sự cắt giảm về việc làm, hoạt động mua hàng và hàng tồn kho trong ngành. Mặc dù vậy, sản lượng sản xuất vẫn ghi nhận tăng trưởng tháng thứ hai liên tiếp, dù tốc độ tăng chậm lại. Trong khi đó nhu cầu yếu, chi phí đầu vào và giá bán đầu ra lại ghi nhận mức tăng nhẹ, gây thêm áp lực lên các doanh nghiệp trong tháng qua.

#### DIỄN BIẾN CHỈ SỐ PMI CỦA VIỆT NAM

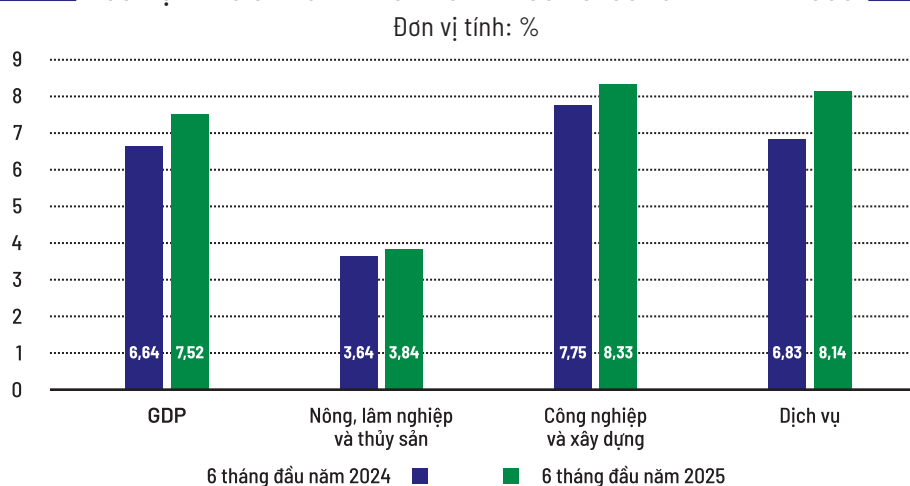


Nguồn: S&P Global

Mặc dù PMI giảm nhưng bức tranh kinh tế vĩ mô của Việt Nam vẫn có nhiều điểm sáng tích cực. Tăng trưởng GDP quý II/2025 ước đạt 7,96% - mức cao thứ hai trong giai đoạn 2020-2025, chỉ sau quý II/2022. Tính chung 6 tháng đầu năm, GDP tăng 7,52%, đạt mức cao nhất trong cùng kỳ 15 năm qua (2011-2025). Khu vực công

ng nghiệp - xây dựng và dịch vụ tiếp tục là động lực chính cho tăng trưởng, được hỗ trợ bởi đà phục hồi của tiêu dùng, tích lũy và xuất nhập khẩu. Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công vào các dự án hạ tầng trọng điểm cũng góp phần thúc đẩy sản xuất, thiết lập nền tảng cho năng lực tăng trưởng dài hạn của nền kinh tế.

#### TỐC ĐỘ TĂNG GDP 6 THÁNG ĐẦU NĂM SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC



Nguồn: Tổng cục Thống kê

#### 1.1.1. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) 6 tháng đầu năm 2025 ước tính tăng 9,2% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2024 tăng 8,0%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 11,1% (cùng kỳ năm 2024 tăng 8,9%), đóng góp 9,1 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 4,5% (cùng kỳ năm 2024 tăng 12,8%), đóng góp 0,4 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 11,3% (cùng kỳ năm 2024 tăng 6,4%), đóng góp 0,2 điểm phần trăm; ngành khai khoáng giảm 3,0% (cùng kỳ năm 2024 giảm 6,0%), làm giảm 0,5 điểm phần trăm.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ năm trước tăng ở 62 địa phương, riêng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giảm 2,6%.

#### 1.1.2. Xuất nhập khẩu

##### ■ Xuất khẩu hàng hóa

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 6/2025 đạt 39,49 tỷ USD, giảm 0,3% so với tháng trước và tăng 16,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong quý II/2025, kim ngạch xuất khẩu đạt 116,93 tỷ USD, tăng 18,0% so với cùng kỳ năm trước và tăng 13,6% so với quý I năm 2025. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 219,83 tỷ USD, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 58,28 tỷ USD, tăng 9,4%, chiếm 26,5% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 161,55 tỷ USD, tăng 16,4%, chiếm 73,5%.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2025, nhóm hàng công nghiệp chế biến đạt 194,28 tỷ USD, chiếm 88,4%.

### ■ *Nhập khẩu hàng hóa*

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 6/2025 đạt 36,66 tỷ USD, giảm 6,1% so với tháng trước và tăng 20,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong quý II/2025, kim ngạch nhập khẩu đạt 112,52 tỷ USD, tăng 18,8% so với cùng kỳ năm trước và tăng 12,9% so với quý I năm 2025. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 212,2 tỷ USD, tăng 17,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 72,82 tỷ USD, tăng 10,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 139,38 tỷ USD, tăng 22,3%.

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2025, nhóm hàng tư liệu sản xuất đạt 198,92 tỷ USD, chiếm 93,7%.

Cán cân thương mại hàng hóa tháng 6/2025 xuất siêu 2,83 tỷ USD. Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 7,63 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 12,15 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 14,54 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 22,17 tỷ USD.

Trong thời gian tới, chính sách thuế quan mới của Hoa Kỳ dự báo sẽ ảnh hưởng mạnh đến hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam. Ngày 2/7/2025, Tổng thống Trump thông báo đã đạt được thỏa thuận thương mại sơ bộ với Việt Nam, theo đó Mỹ sẽ áp thuế 20% với hàng hóa Việt Nam và 40% với hàng trung chuyển, thay vì mức 46% như dự kiến trước đó. Đổi lại, Việt Nam cam kết dành quyền tiếp cận thị trường ưu đãi cho hàng hóa của Mỹ, trong đó có xe ô tô phân khối lớn. Tuy nhiên, các nội dung cụ thể vẫn chưa được công bố rõ ràng.

### 1.1.3. *Tình hình đăng ký doanh nghiệp*

Trong tháng 6/2025, cả nước có hơn 24,4 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, tăng 61,4% so với tháng trước và tăng 60,5% so với cùng kỳ năm trước; 14,4 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 79,5% và tăng 91,1%; 6.433 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 8,6% và tăng 18,7%; gần 10,1 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 54,0% và giảm 86,2%; 2.761 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 44,6% và tăng 59,6%.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, cả nước có hơn 152,7 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng 26,5% so với cùng kỳ năm 2024. Bình quân một tháng có 25,5 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động. Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là 127,2 nghìn doanh nghiệp, tăng 15,5% so với cùng kỳ năm trước; bình quân một tháng có gần 21,2 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

### 1.1.4. Hoạt động đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội quý II/2025 theo giá hiện hành ước đạt 921,5 nghìn tỷ đồng, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước. Ước tính 6 tháng đầu năm 2025, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành ước đạt 1.591,9 nghìn tỷ đồng, tăng 9,8% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 30/6/2025 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 21,52 tỷ USD, tăng 32,6% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 6 tháng đầu năm 2025 ước đạt 11,72 tỷ USD, tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của sáu tháng trong 5 năm qua.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 6 tháng đầu năm 2025 có 86 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 357,7 triệu USD, gấp 3 lần so với cùng kỳ năm trước; có 18 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh tăng 129,4 triệu USD, gấp 7 lần. Tính chung 6 tháng đầu năm, tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 487,1 triệu USD, gấp 3,6 lần so với cùng kỳ năm trước.

Theo Bộ Tài chính, ước giải ngân từ đầu năm đến ngày 30/6/2025 là 268.133,9 tỷ đồng, đạt 29,6% kế hoạch, đạt 32,5% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (cùng kỳ năm 2024 đạt 26,4% kế hoạch và đạt 28,2% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao). Trong đó, riêng vốn ngân sách địa phương (NSĐP) có tỷ lệ đạt 37,8% (cao hơn cùng kỳ năm 2024 là 27,4%), vốn ngân sách trung ương (NSTW) mới đạt 25,3% (tuy tỷ lệ thấp hơn cùng kỳ năm 2024 là 29,5% nhưng cao hơn về số tuyệt đối).

Kết quả trong 6 tháng đầu năm 2025, so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, có 08 bộ, cơ quan trung ương và 37 địa phương có tỷ lệ ước giải ngân đạt từ mức bình quân chung cả nước; có 32 bộ, cơ quan trung ương và 26 địa phương có tỷ lệ ước giải ngân đạt dưới bình quân chung cả nước. Một số bộ, cơ quan trung ương có tỷ lệ giải ngân tốt trên 40% như: Tổng liên đoàn lao động Việt Nam (86,4%); Đài Tiếng nói Việt Nam (73,8%); Bộ Công an (45,2%); Ngân hàng Chính sách xã hội (41,2%) và các địa phương giải ngân tốt trên 50% như: Phú Thọ (85,7%); Hà Tĩnh (75,6%); Lào Cai (66,6%), Thái Nguyên (65,4%); Bắc Ninh (62,3%); Hà Nam (59,5%); Ninh Bình (59,5%); Bà Rịa - Vũng Tàu (54,9%); Nam Định (53,9%).

### 1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng

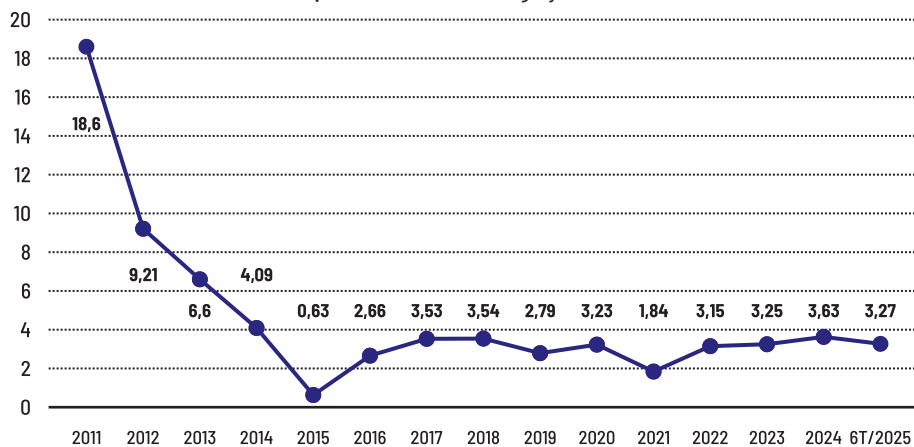
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2025 tăng 0,48% so với tháng; tăng 2,02% so với tháng 12/2024; tăng 3,57% so với cùng kỳ năm trước. CPI bình quân quý II/2025 tăng 3,31% so với quý II/2024. Bình quân 6 tháng đầu năm 2025, CPI tăng 3,27% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 3,16%.

Bên cạnh đó, ngày 23/6, theo đánh giá của Ngân hàng MUFG (Nhật Bản), căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông, đặc biệt giữa Israel và Iran, đang khiến giá dầu

leo thang và có thể gây áp lực lên lạm phát tại nhiều nước châu Á, bao gồm Việt Nam. Dự báo, nếu giá dầu tăng thêm 10 USD/thùng, CPI của Việt Nam có thể tăng khoảng 0,6%, mức tác động lớn thứ hai trong khu vực, chỉ sau Thái Lan. Điều này cho thấy rủi ro từ giá dầu thế giới tiếp tục là yếu tố cần theo dõi chặt chẽ trong kiểm soát lạm phát thời gian tới.

#### TĂNG TRƯỞNG CPI GIAI ĐOẠN 2011-2025

Đơn vị tính: % (so với cùng kỳ năm trước)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

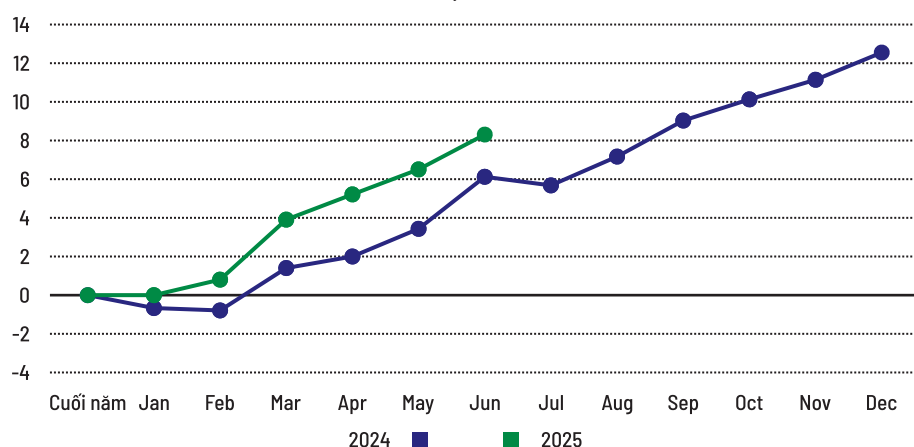
## 1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ

### 1.2.1. Tăng trưởng tín dụng

Tính đến ngày 26/6/2025, dư nợ tín dụng toàn hệ thống ngân hàng Việt Nam đạt trên 16,9 triệu tỷ đồng, tăng 8,3% so với cuối năm 2024 và tăng mạnh 18,87% so với cùng kỳ năm trước - mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2023.

#### TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG NĂM 2025 SO VỚI NĂM 2024

Đơn vị tính: %



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Cơ cấu tín dụng phù hợp với cơ cấu của nền kinh tế và đáp ứng nhu cầu tín dụng của người dân và doanh nghiệp. Một số ngành chính như ngành nông lâm thủy sản chiếm khoảng 6,37%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm khoảng 12,84%; ngành xây dựng chiếm 7,53%. Trong xây dựng có cả các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng và ngành này được Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đang chỉ đạo đẩy mạnh tín dụng trong ngành. Các ngành dịch vụ khác như bán buôn, bán lẻ chiếm tỷ trọng lớn là khoảng 23,74%.

Về tín dụng cho các lĩnh vực ưu tiên, lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp tục là hai ngành có tỷ trọng lớn. Cụ thể là nông nghiệp, nông thôn chiếm tỷ trọng 23,16%. Tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm đến 17,51%.

Về tốc độ, hai lĩnh vực ưu tiên là lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ và doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao đều có tốc độ tăng trưởng rất cao, gần gấp đôi so với tốc độ chung. Cụ thể, lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao là 15,69% và doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao là 17,59%.

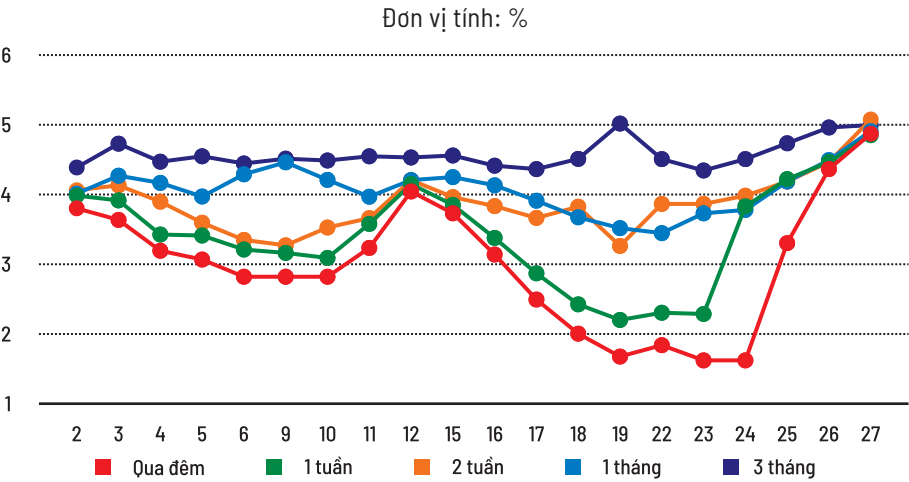
Tình hình trên phản ánh nhu cầu vốn phục hồi rõ nét, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh nhiều bất ổn trong và ngoài nước. Hiện có khoảng 100 tổ chức tín dụng phát sinh dư nợ với khu vực kinh tế tư nhân, trong đó có khoảng 209.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa đang vay vốn tại hệ thống ngân hàng.

Bên cạnh đó, tỷ lệ nợ xấu trong quý II/2025 ghi nhận xu hướng giảm nhẹ và được dự báo tiếp tục giảm mạnh trong quý III/2025, phản ánh sự lạc quan của các tổ chức tín dụng trong công tác quản trị rủi ro và kiểm soát chất lượng tín dụng. Tăng trưởng tín dụng cả năm 2025 được dự báo đạt mức 17-18%, nhờ sự phục hồi mạnh mẽ của sản xuất, tiêu dùng nội địa và tiến độ giải ngân vốn đầu tư công được đẩy nhanh.

### 1.2.2. Lãi suất

Trong tháng 6/2025, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) áp dụng lãi suất tái chiết khấu ở mức 3%, lãi suất tái cấp vốn 4,5%. Bên cạnh đó, trong tháng qua, lãi suất trên thị trường liên ngân hàng ghi nhận diễn biến phân hóa mạnh giữa các kỳ hạn. Trong nửa đầu tháng, lãi suất các kỳ hạn ngắn như qua đêm và 1 tuần duy trì ở mức tương đối ổn định quanh 4 - 4,5%, trong khi các kỳ hạn dài hơn như 1 tháng và 3 tháng dao động nhẹ quanh mức 4,3 - 4,8%. Tuy nhiên, từ giữa tháng trở đi, lãi suất các kỳ hạn ngắn bắt đầu giảm mạnh, đặc biệt là lãi suất qua đêm có thời điểm giảm xuống dưới 2%, cho thấy thanh khoản ngắn hạn dồi dào trong hệ thống ngân hàng. Ngược lại, các kỳ hạn dài hơn như 1 tháng và 3 tháng có xu hướng tăng dần từ giữa tháng và bật mạnh vào cuối tháng, chạm mức gần 5%, phản ánh kỳ vọng thắt chặt tiền tệ và nhu cầu vốn trung dài hạn tăng lên.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG THÁNG 6/2025



Tính đến tháng 6/2025, tỷ lệ dự trữ bắt buộc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định đối với các loại tiền gửi vẫn không thay đổi so với những tháng trước. Cụ thể:

TỶ LỆ DỰ TRỮ BẮT BUỘC THÁNG 6/2025

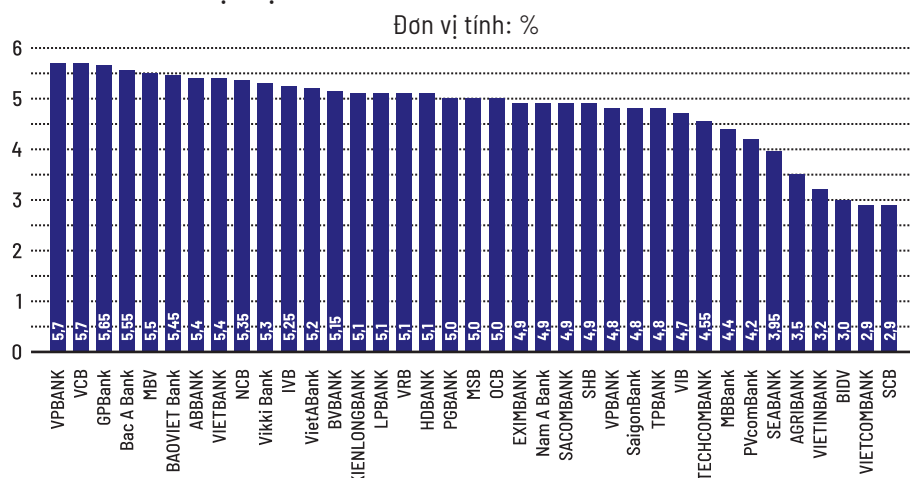
| LOẠI TỔ CHỨC TÍN DỤNG                          | Tiền gửi VND                            |                            | Tiền gửi ngoại tệ                          |                                                       |                                             |
|------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------|
|                                                | Không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng | Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên | Tiền gửi của tổ chức tín dụng ở nước ngoài | Tiền gửi khác không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng | Tiền gửi khác có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên |
| Quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô | 0%                                      | 0%                         | 0%                                         | 0%                                                    | 0%                                          |
| Ngân hàng chính sách                           | Theo quy định của Chính phủ             |                            |                                            |                                                       |                                             |
| Agribank;<br>Ngân hàng hợp tác xã              | 3%                                      | 1%                         | 1%                                         | 7%                                                    | 5%                                          |
| Tổ chức tín dụng khác                          | 3%                                      | 1%                         | 1%                                         | 8%                                                    | 6%                                          |

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Đối với lãi suất huy động: Trong tháng 6/2025, có 6 ngân hàng thay đổi biểu lãi suất huy động trong tháng 6 vừa qua, bao gồm: HDBank và GPBank điều chỉnh tăng; LPBank, Bac A Bank và VPBank giảm lãi suất. Trong khi đó, Ngân hàng NCB vừa tăng lãi suất một số kỳ hạn, nhưng đồng thời cũng giảm ở một số sản phẩm tiền gửi khác.

Lãi suất tiền gửi với kỳ hạn 3 tháng dao động từ 1,9% - 4,6%. Đối với kỳ hạn 6 tháng, mức lãi suất phổ biến trong khoảng 2,9% - 5,7%. Trong khi đó, lãi suất kỳ hạn 12 tháng có biên độ dao động từ 3,7% - 9%.

LÃI SUẤT HUY ĐỘNG KỲ HẠN 6 THÁNG  
TẠI MỘT SỐ NGÂN HÀNG TRONG THÁNG 6/2025

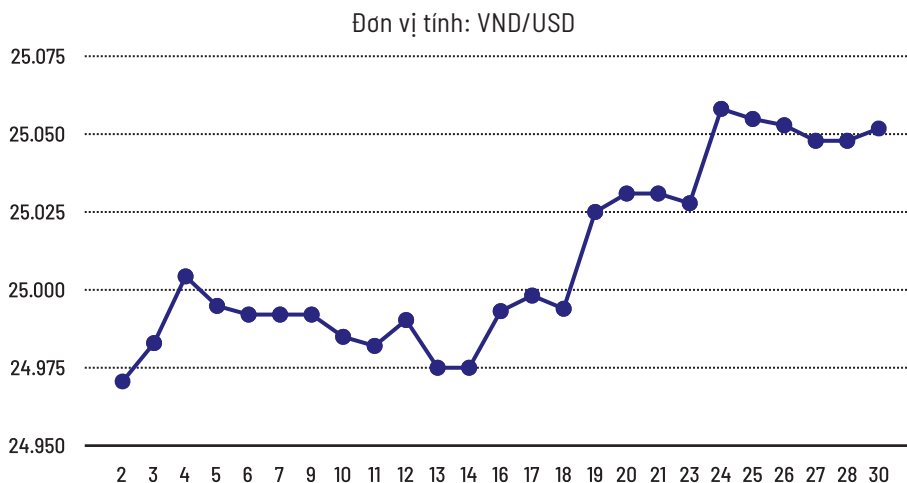


Nguồn: Vibiz Monitoring

### 1.2.3. Tỷ giá

Trong tháng 6/2025, tỷ giá trung tâm VND/USD có xu hướng tăng nhẹ. Từ mức khoảng 24.965 VND/USD đầu tháng, tỷ giá dần tăng và duy trì quanh ngưỡng 25.050 VND/USD vào cuối tháng, cho thấy áp lực nhất định từ thị trường ngoại hối. Dù tỷ giá có biến động trong nửa đầu năm, dự báo đồng VND sẽ duy trì ổn định quanh mức 26.000 VND/USD đến cuối năm. Tuy nhiên, các yếu tố như cung cầu ngoại tệ mất cân đối và bất ổn thương mại quốc tế vẫn có thể gây sức ép lên tỷ giá trong thời gian tới.

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ TRUNG TÂM VND VỚI ĐỒNG USD THÁNG 6/2025



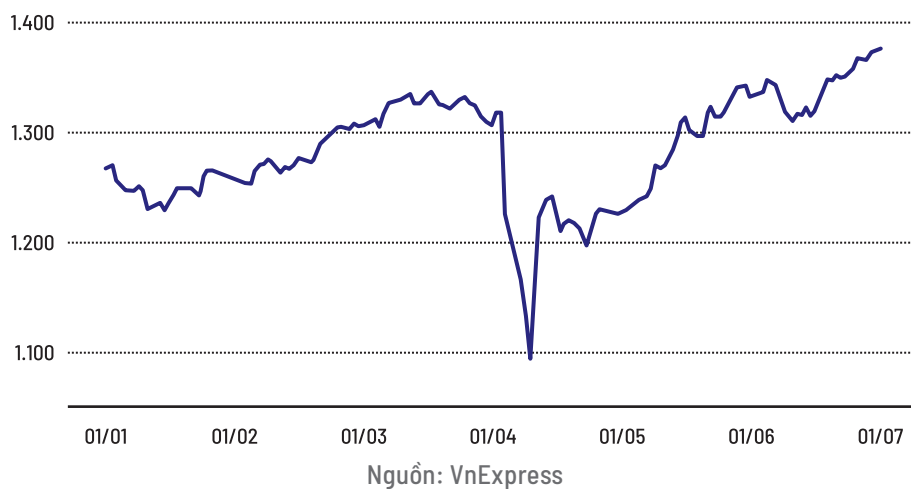
Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Ngoài ra, giá đô la Mỹ trong nước biến động ngược chiều với giá thế giới. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 6/2025 tăng 0,32% so với tháng trước do nhu cầu ngoại tệ phục vụ thanh toán nhập khẩu tăng; tăng 3,06% so với cùng kỳ năm trước; tăng 2,92% so với tháng 12/2024; bình quân quý II/2025 tăng 2,98%; bình quân 6 tháng đầu năm 2025 tăng 3,3%.

### 1.2.4. Chứng khoán

Thị trường chứng khoán Việt Nam trong tháng 6/2025 ghi nhận diễn biến tích cực, khép lại quý II và nửa đầu năm với mức tăng trưởng ấn tượng. Chỉ số VN-Index đã tăng 5,3% so với quý I và tăng tổng cộng 8,63% so với cuối năm 2024, bất chấp cú sốc thuế quan hồi đầu năm và những bất ổn địa chính trị toàn cầu. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ nhóm VN30, đặc biệt là sự luân chuyển dòng tiền sang các mã như TCB, CTG, MSN, thay vì chỉ tập trung vào VIC hay VHM như giai đoạn trước.

DIỄN BIẾN CHỈ SỐ VN-INDEX TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN NAY



Về ngành, cổ phiếu dầu khí và hóa chất có mức tăng vượt trội, bình quân trên 5%. Một số cổ phiếu như OIL, PLX, PVS, DDV hay PHR thậm chí tăng trên 10%, hưởng lợi từ căng thẳng địa chính trị và đà tăng của giá dầu, phân bón. Ngoài ra, các nhóm ngân hàng, bất động sản, bán lẻ và chứng khoán cũng ghi nhận sự luân chuyển tích cực của dòng tiền.

Tuy vậy, thanh khoản thị trường có dấu hiệu chững lại, phản ánh tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trong bối cảnh thiếu thông tin hỗ trợ mới. Triển vọng thị trường trong thời gian tới được đánh giá tích cực, nhất là khi nhóm dầu khí được kỳ vọng tăng trưởng mạnh nhờ dự án Lô B - Ô Môn và nhiều dự án năng lượng trọng điểm khác, cùng với kỳ vọng nâng hạng thị trường và các chính sách hỗ trợ tăng trưởng kinh tế như giải ngân đầu tư công, kích cầu tiêu dùng và thúc đẩy khu vực tư nhân.

Trong thời gian tới, thị trường được kỳ vọng tiếp tục duy trì xu hướng tích cực, với hai kịch bản được đưa ra.

Trong kịch bản lạc quan, nếu lực cầu được cải thiện và dòng tiền lan tỏa rộng, VN-Index có thể tiến tới vùng 1.400 điểm, được hỗ trợ bởi các yếu tố như triển vọng nâng hạng thị trường, đà giải ngân vốn đầu tư công tăng, chính sách kích cầu tiêu dùng, cùng với các nghị quyết lớn như Nghị quyết 57 về đổi mới sáng tạo, Nghị quyết 66 và 68 về phát triển kinh tế tư nhân.

Ngược lại, nếu áp lực chốt lời gia tăng và nhà đầu tư tiếp tục thận trọng, chỉ số có thể dao động trong biên độ hẹp từ 1.310 - 1.370 điểm.

Trong cả hai kịch bản, nhóm cổ phiếu năng lượng, hạ tầng, xuất khẩu và công nghệ được dự báo tiếp tục giữ vai trò dẫn dắt, đặc biệt là các doanh nghiệp có nền tảng cơ bản vững chắc và hưởng lợi rõ nét từ các chính sách vĩ mô hiện hành.

### **1.2.5. Lạm phát**

Lạm phát cơ bản tháng 6/2025 tăng 0,31% so với tháng trước và tăng 3,46% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 6 tháng đầu năm 2025, lạm phát cơ bản tăng 3,16% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 3,27% của CPI bình quân chung, nguyên nhân chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, giá dịch vụ y tế là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Trong thời gian tới, áp lực lạm phát tại Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao do nhiều yếu tố bất lợi cả trong và ngoài nước. Mặc dù lạm phát cơ bản 6 tháng đầu năm 2025 vẫn thấp hơn CPI bình quân, nhưng xu hướng gia tăng trong tháng 6/2025 cho thấy sức ép giá cả đang lan rộng trong nền kinh tế. Giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt và dịch vụ y tế - những mặt hàng không được tính vào lạm phát cơ bản - vẫn tiếp tục là động lực chính đẩy CPI tăng mạnh. Bên cạnh đó, các yếu tố bên ngoài như căng thẳng thương mại Mỹ - Trung và biến động giá năng lượng toàn cầu có thể ảnh hưởng đến chi phí nhập khẩu, từ đó tạo áp lực lên giá trong nước.

## **2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM**

### **2.1. Về chủ trương, chính sách**

#### **▪ Đề xuất triển khai lộ trình sử dụng xăng E10 từ năm 2026**

Bộ Công Thương đề xuất triển khai lộ trình sử dụng xăng sinh học E10 trên toàn quốc, bắt đầu từ ngày 01/01/2026. Trong tháng 6/2025, Bộ trưởng Bộ Công Thương Nguyễn Hồng Diên đã giao Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ, tham mưu xây dựng và ban hành lộ trình cụ thể. Đồng thời, từ tháng 7/2025, Bộ Công Thương sẽ triển khai chiến dịch truyền thông toàn diện nhằm nâng cao nhận thức và tạo sự đồng thuận trong xã hội đối với việc chuyển đổi sang sử dụng xăng E10.

Hiện tại, cả nước có 6 nhà máy sản xuất ethanol, trong đó 2 nhà máy tại Đồng Nai và Quảng Nam đang hoạt động, với tổng sản lượng khoảng 100.000 m<sup>3</sup>/năm. Khi toàn bộ 6 nhà máy đi vào hoạt động, tổng công suất có thể đạt 500.000 m<sup>3</sup>/năm. Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu sử dụng nhiên liệu sinh học theo lộ trình, Việt Nam cần nguồn cung từ 1 đến 1,5 triệu m<sup>3</sup> ethanol/năm. Phần thiếu hụt sẽ được nhập khẩu từ các thị trường dồi dào như Mỹ, Argentina...

Trong nỗ lực chủ động nguồn cung, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN) sẽ tái khởi động Nhà máy Nhiên liệu sinh học Dung Quất (Quảng Ngãi) nhằm bổ sung sản lượng ethanol phục vụ cho sản xuất xăng E10.

#### **▪ Xây dựng kho đầu nguồn cung ứng xăng dầu và nhiên liệu hàng không tại cảng Cam Ranh**

Ủy ban Nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa đã ban hành quyết định phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Kho xăng dầu đầu nguồn kết hợp nhiên liệu bay Ba Ngòi, phường Cam Linh (TP. Cam Ranh).

Theo đó, khu vực lập đồ án quy hoạch thuộc phạm vi Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 cảng Cam Ranh được phê duyệt năm 2016, có vị trí cụ thể như sau: phía Đông giáp mặt nước và bãi tập kết; phía Tây giáp khu vực mặt nước phía Đông kho xăng dầu K662 của Công ty xăng dầu Quân đội khu vực 3; phía Nam giáp mặt nước; phía Bắc giáp đường hiện trạng kết nối kho K662 với đường Nguyễn Trọng Kỳ.

Trước đó, UBND tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư. Theo đó, Dự án kho xăng dầu đầu nguồn kết hợp nhiên liệu bay Ba Ngòi có 2 nhà đầu tư, gồm: Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty cổ phần (PVOIL) và Công ty cổ phần cảng Cam Ranh. Dự án có vốn đầu tư gần 143 tỷ đồng, xây dựng trên diện tích khoảng 20.000m<sup>2</sup>. Dự án có các hạng mục như: bể chứa dầu DO có sức chứa 4.500m<sup>3</sup>, bể chứa xăng có sức chứa 4.000m<sup>3</sup>, 2 bể chứa nhiên liệu Jet A1 (là nhiên liệu phản lực phổ biến nhất trong ngành hàng không dân dụng) có sức chứa 1.000m<sup>3</sup> và 4.000m<sup>3</sup>. Mục tiêu của dự án là làm kho đầu nguồn cung ứng xăng dầu và nhiên liệu hàng không, gia tăng sản lượng và phát triển thị trường nhiên liệu hàng không của PVOIL tại khu vực.

UBND tỉnh Khánh Hòa yêu cầu đối với Dự án thành phần 1 (hạng mục lấn biển), các đơn vị liên quan triển khai các thủ tục, thi công và nghiệm thu công trình trong vòng 10 tháng kể từ ngày cấp chủ trương đầu tư (dự kiến tháng 8/2025). Đối với Dự án thành phần 2 (công trình kho xăng dầu), các đơn vị liên quan triển khai các thủ tục quy hoạch, đất đai, môi trường; phòng cháy, chữa cháy; báo cáo nghiên cứu khả thi, cấp phép xây dựng... và thi công, nghiệm thu công trình trong vòng 13 tháng kể từ ngày hoàn thành hạng mục lấn biển (dự kiến tháng 9/2026).

PVOIL và Công ty cổ phần cảng Cam Ranh có trách nhiệm liên hệ Cục Hàng hải Việt Nam để cập nhật, bổ sung công năng tiếp nhận tàu chở xăng dầu trọng tải đến 5.000 tấn tại mép bến phía trong cầu cảng số 1 Bến cảng Ba Ngòi trong quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển Nam Trung Bộ (nhóm 4) trong giai đoạn 2020, tầm nhìn đến năm 2030; thực hiện các thủ tục thỏa thuận bổ sung công năng bến cảng, thủ tục công bố bổ sung công năng bến cảng tiếp nhận tàu chở xăng dầu trọng tải đến 5.000 tấn.

### ■ Công bố danh mục 11 nhóm công nghệ và sản phẩm công nghệ chiến lược quốc gia

Ngày 12/6/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1131/QĐ-TTg, công bố 11 nhóm công nghệ chiến lược cùng 35 sản phẩm công nghệ trọng điểm, nhằm thúc đẩy các ngành công nghệ mũi nhọn của Việt Nam. Các nhóm công nghệ gồm:

Theo quyết định ban hành ngày 12/6, các nhóm công nghệ và sản phẩm được xác định chiến lược như sau:

Nhóm công nghệ trí tuệ nhân tạo, bản sao số, thực tế ảo/thực tế tăng cường có 6 sản phẩm chiến lược là: Mô hình ngôn ngữ lớn tiếng Việt; trợ lý ảo; trí tuệ nhân tạo chuyên ngành; trí tuệ nhân tạo phân tích; bản sao số (Digital Twin); vũ trụ ảo (Metaverse).

Điện toán đám mây - lượng tử - dữ liệu lớn có ba sản phẩm: dịch vụ điện toán đám mây; điện toán lượng tử và truyền thông lượng tử; trung tâm dữ liệu quy mô lớn.

Blockchain tập trung vào ba mảng: tài sản số, tiền số, tiền mã hóa; hạ tầng mạng Blockchain; và hệ thống truy xuất nguồn gốc.

Mạng di động thế hệ sau (5G/6G) có ba sản phẩm: thiết bị và giải pháp mạng truy cập vô tuyến 5G/6G theo chuẩn 3GPP; mạng lõi 5G/6G; và giải pháp truyền dẫn IP tốc độ cao.

Robot và tự động hóa có bốn sản phẩm: robot di động tự hành; robot công nghiệp; dây chuyền chế biến thực phẩm tiên tiến cho nông - lâm - thủy sản; và hệ thống bảo quản, giám sát chất lượng sau thu hoạch.

Chip bán dẫn được định hướng phát triển với các sản phẩm chip chuyên dụng, chip AI và chip IoT.

Y - sinh học tiên tiến gồm ba sản phẩm: vaccine thế hệ mới; liệu pháp gen trong y tế và nông nghiệp; liệu pháp tế bào như tế bào gốc, tế bào miễn dịch.

Năng lượng và vật liệu tiên tiến tập trung vào các sản phẩm: lò phản ứng hạt nhân nhỏ, an toàn; pin lithium-ion, pin thể rắn, nhiên liệu và điện phân; cùng với các loại vật liệu tiên tiến.

Đất hiếm - đại dương - lòng đất với bốn sản phẩm chiến lược: hệ thống đánh giá trữ lượng, khai thác và tinh chế đất hiếm; công nghệ thăm dò địa chất thông minh; giải pháp khai thác biển sâu; và công nghệ khai thác năng lượng ngoài khơi.

An ninh mạng với hai sản phẩm: giải pháp tường lửa, phát hiện và ngăn chặn xâm nhập; và hệ thống đảm bảo an ninh cho hạ tầng trọng yếu, cơ sở dữ liệu quốc gia.

Công nghệ hàng không, vũ trụ tập trung vào ba sản phẩm: vệ tinh viễn thám và viễn thông tầm thấp, trạm mặt đất và điều khiển vệ tinh, thiết bị bay không người lái.

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển các công nghệ này. Riêng đối với quốc phòng và an ninh, các danh mục riêng sẽ do Bộ Quốc phòng và Bộ Công an đề xuất Thủ tướng phê duyệt.

■ **Quốc hội thông qua Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) - Tiếp tục áp thuế với xăng**

Ngày 14/6/2025, Quốc hội thông qua Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) với 448/454 đại biểu tán thành. Luật quy định tiếp tục áp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng các loại, cùng với các mặt hàng như thuốc lá, rượu, bia, nước giải khát có đường trên 5g/100ml, điều hòa nhiệt độ công suất lớn, và một số loại phương tiện, dịch vụ giải trí.

Luật sửa đổi bao gồm 11 điều, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026. Các tổ chức, cá nhân nhập khẩu hoặc sản xuất các mặt hàng này phải kê khai và nộp thuế theo quy định. Trường hợp cần điều chỉnh đối tượng chịu thuế, Chính phủ sẽ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét quyết định.

■ **Tiếp tục giảm 2% thuế giá trị gia tăng từ ngày 1/7/2025 đến 31/12/2026**

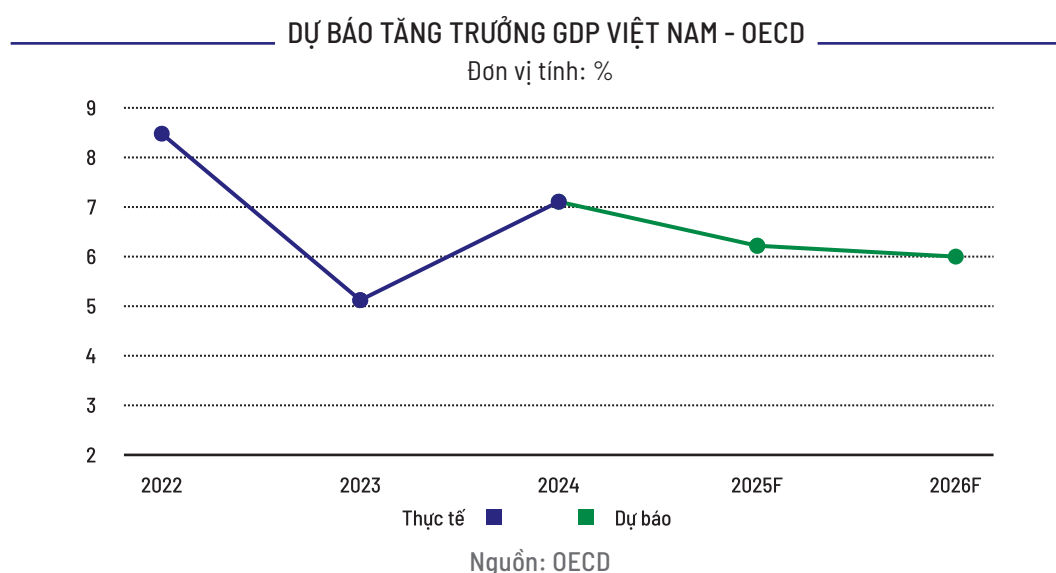
Ngày 17/6, Quốc hội đã thông qua nghị quyết về giảm thuế giá trị gia tăng (VAT). Theo đó, Quốc hội quyết nghị giảm 2% thuế suất thuế VAT, áp dụng với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế 10%. Một số nhóm hàng hóa, dịch vụ tiếp tục được loại trừ, không áp dụng giảm thuế VAT gồm: viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, sản phẩm kim loại, sản phẩm khai khoáng (trừ than), sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ xăng) đến hết tháng 12/2026. Theo tính toán của Chính phủ, dự kiến số giảm thu ngân sách nhà nước trong 6 tháng cuối năm 2025 và cả năm 2026 khoảng gần 122.000 tỉ đồng.

Từ 00h00' ngày 1/7/2025, sau khi được giảm 2% thuế suất giá trị gia tăng, giá bán lẻ tối đa đối với các mặt hàng xăng dầu được áp dụng như sau: Xăng E5RON92 có giá 20.530 đồng/lít (giảm 101 đồng/lít); xăng RON95-III có giá 21.116 đồng/lít (giảm 128 đồng/lít); dầu Diesel 0.05S có giá 19.349 đồng/lít (tăng 193 đồng/lít); dầu hỏa có giá 19.064 đồng/lít (tăng 141 đồng/lít); dầu Madút 180CST 3.5S có giá 16.955 đồng/kg (giảm 668 đồng/kg).

## 2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Trong tháng 6/2025, nhiều tổ chức quốc tế đã công bố các dự báo tăng trưởng kinh tế cho Việt Nam, phản ánh bức tranh tổng thể của nền kinh tế trong bối cảnh vừa mở rộng hội nhập quốc tế, vừa đối mặt với những thách thức từ môi trường toàn cầu nhiều biến động.

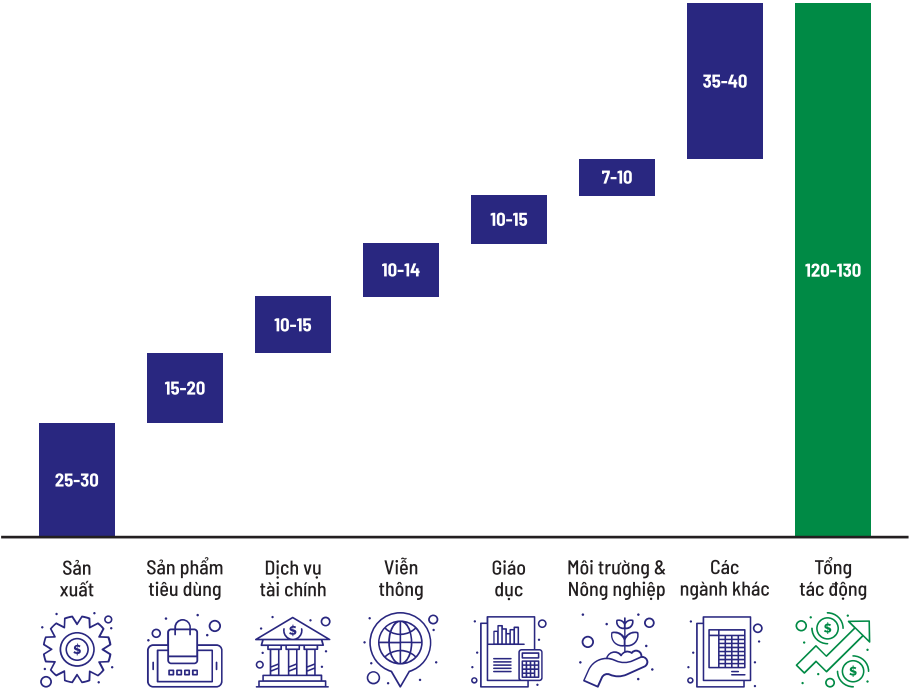
Ngày 3/6, *Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD)* dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam sẽ tăng 6,2% trong năm 2025 và 6% trong năm 2026, cho thấy dấu hiệu chậm lại do sự bất ổn chính sách toàn cầu ảnh hưởng đến dòng vốn FDI và xuất khẩu. Tuy nhiên, mức tăng này vẫn cao so với mức trung bình toàn cầu khoảng 3%.



Tiếp theo, ngày 9/6, *Ngân hàng United Overseas Bank (UOB)* cũng công bố dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt 6% trong năm 2025 và 6,3% trong năm 2026. Trong ngắn hạn, tăng trưởng GDP quý II/2025 và quý III/2025 lần lượt được dự báo đạt 6,1% và 5,8%. Dù duy trì triển vọng tích cực, UOB cảnh báo rủi ro liên quan đến sự bất định của các chính sách thuế quan toàn cầu, đặc biệt là từ thị trường Mỹ - nơi chiếm khoảng 30% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam có độ mở cao với xuất khẩu chiếm khoảng 90% GDP.

Ngoài ra, theo báo cáo “Nền kinh tế AI Việt Nam 2025” công bố ngày 12/6 bởi Boston Consulting Group (BCG), *nền kinh tế AI của Việt Nam được kỳ vọng đạt quy mô 120-130 tỷ USD vào năm 2040*, nhờ động lực từ tiêu dùng, năng suất và các chính sách quốc gia thúc đẩy chuyển đổi số.

TÁC ĐỘNG CỦA AI LÊN KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2040



Nguồn: Boston Consulting Group



## THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO

### 1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

#### 1.1. Thông tin trong kỳ

##### 1.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

###### ▪ *Cung dầu mỏ*

Trong tháng 6/2025, nguồn cung dầu mỏ toàn cầu tương đối dồi dào hơn, chủ yếu nhờ sự gia tăng sản lượng từ Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ và các đối tác (OPEC+).

Đặc biệt, Kazakhstan đã nâng sản lượng dầu thô trong tháng 6 lên mức kỷ lục 1,88 triệu thùng/ngày, tăng 7,5% so với tháng trước và vượt xa hạn ngạch 1,5 triệu thùng/ngày do OPEC+ quy định.

Bên cạnh đó, Venezuela tiếp tục phục hồi mạnh mẽ với mức xuất khẩu trung bình 844.000 thùng/ngày - tăng 8% so với tháng 5, nhờ đẩy mạnh hoạt động giao thương với Trung Quốc, Cuba và một số quốc gia châu Âu.

Trong khi đó, Iran cũng tăng lượng dầu xuất khẩu hàng ngày thêm 44% kể từ ngày 13/6 - thời điểm Israel bắt đầu chiến dịch quân sự nhằm vào Tehran - cho thấy nỗ lực đẩy nhanh vận chuyển dầu ra thị trường trong bối cảnh căng thẳng leo thang.

Ngoài ra, Nga cũng vẫn tiếp tục duy trì dòng chảy dầu sang các thị trường châu Á, đặc biệt là Trung Quốc và Ấn Độ, điều này càng củng cố tình trạng dư cung nhẹ trên thị trường thế giới trong tháng qua.

###### ▪ *Cầu dầu mỏ*

Trong tháng 6/2025, nhu cầu dầu mỏ toàn cầu ghi nhận những tín hiệu cải thiện nhất định, đặc biệt tại các thị trường châu Á, dù phần lớn mức tăng nhập khẩu phản ánh các yếu tố kỹ thuật và thương mại nhiều hơn là sự phục hồi rõ nét từ nhu cầu tiêu dùng nội địa.

Tổng lượng nhập khẩu dầu thô của châu Á tăng vọt lên mức cao nhất trong hai năm qua, với Trung Quốc và Ấn Độ - hai nhà nhập khẩu dầu hàng đầu khu vực - đều ghi nhận mức nhập khẩu cao nhất kể từ tháng 3/2025.

Tại Trung Quốc, các nhà máy lọc dầu, đặc biệt là nhóm doanh nghiệp tư nhân (teapot refiners), đã tăng mạnh mua dầu thô Iran với giá ưu đãi, đưa khối lượng nhập khẩu từ Iran lên kỷ lục 1,8 triệu thùng/ngày trong giai đoạn từ 1 đến 20/6.

Đáng chú ý, Campuchia bất ngờ đình chỉ hoàn toàn hoạt động nhập khẩu nhiên liệu từ Thái Lan từ ngày 22/6 do căng thẳng biên giới, điều này có thể tạo ra biến động nguồn cung dầu mỏ nội địa trong ngắn hạn.

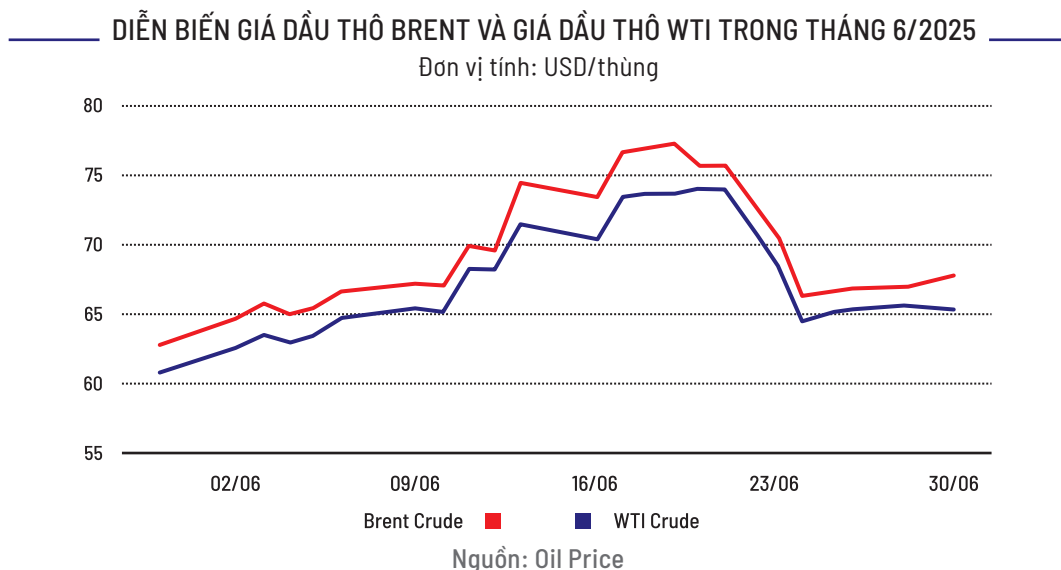
Tại Mỹ, nhu cầu tiêu thụ dầu cũng ghi nhận mức tăng trở lại khi bước vào mùa cao điểm lái xe trong mùa hè, kéo theo lượng tồn kho dầu thô giảm rõ rệt.

Bên cạnh đó, tại châu Âu, mặc dù tốc độ tăng trưởng không đáng kể, nhu cầu dầu vẫn duy trì ở mức ổn định nhờ hoạt động công nghiệp dần phục hồi và nhu cầu tiêu dùng năng lượng không biến động mạnh.

Các khu vực khác như Mỹ Latinh, Trung Đông và châu Phi cũng ghi nhận sự gia tăng vừa phải về tiêu thụ dầu, chủ yếu nhờ vào nhu cầu nội địa và cải thiện hạ tầng năng lượng.

### ■ Diễn biến giá

Trong tháng 6/2025, giá dầu thế giới ghi nhận nhiều biến động mạnh, chủ yếu theo xu hướng tăng do tác động từ căng thẳng địa chính trị và các yếu tố kinh tế toàn cầu. Cụ thể, giá dầu đã tăng vọt sau khi Israel tiến hành các cuộc không kích nhằm vào Iran, làm dấy lên lo ngại về nguy cơ gián đoạn nguồn cung tại khu vực Trung Đông. Bên cạnh đó, căng thẳng kéo dài giữa Nga và Ukraine cùng với các chính sách thuế thương mại mới của Mỹ cũng góp phần gây áp lực lên thị trường năng lượng. Tuy nhiên, đến cuối tháng, giá dầu đã hạ nhiệt và ổn định trở lại khi tình hình Trung Đông dịu bớt, các bên liên quan đạt được thỏa thuận ngừng bắn và kỳ vọng nổi lại đàm phán hạt nhân giữa Mỹ và Iran.



### 1.1.2. Thị trường trong nước

#### ■ Cung dầu mỏ

Trong tháng 6/2025, thị trường xăng dầu trong nước tiếp tục ghi nhận diễn biến ổn định về nguồn cung, nhưng cũng chịu ảnh hưởng nhất định từ biến động của thị trường thế giới.

Theo Bộ Công Thương, tổng nguồn cung tối thiểu năm nay được phân giao cho các thương nhân đầu mỗi là hơn 29,5 triệu m<sup>3</sup>, tấn xăng dầu các loại. Trong nửa đầu năm, các doanh nghiệp đã chuẩn bị khoảng 13,86 triệu m<sup>3</sup>, tấn cho thị trường nội địa, tương đương 47% kế hoạch phân giao. Tuy nhiên, mức tiêu thụ thực tế chỉ đạt khoảng 12,6 triệu m<sup>3</sup>, tấn, dẫn đến lượng tồn kho hiện khoảng 1,7-1,8 triệu m<sup>3</sup>, tấn - cho thấy nguồn cung vẫn dồi dào, đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng.

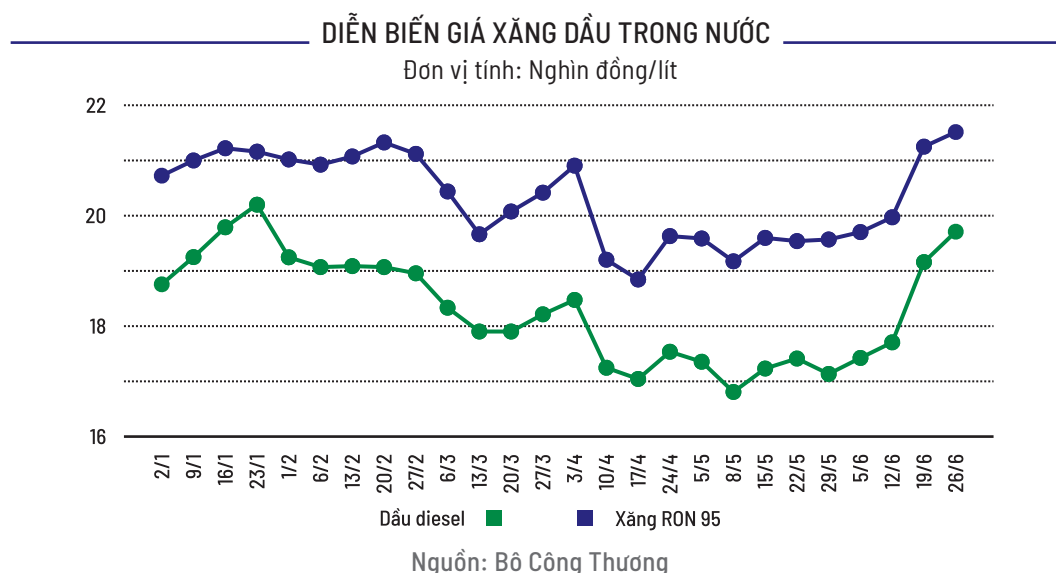
#### ■ Cầu dầu mỏ

Trong tháng 6/2025, nhu cầu tiêu thụ xăng dầu tại Việt Nam duy trì ở mức cao, phản ánh đà phục hồi rõ nét của hoạt động vận tải và đi lại sau giai đoạn cao điểm hè. Ước tính sản lượng tiêu thụ trong tháng đạt khoảng 1,2-1,3 triệu tấn, tương đương hơn 1,6 triệu m<sup>3</sup>, tiếp tục xu hướng tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, tổng lượng xăng dầu tiêu thụ trong nước đạt khoảng 7,6 triệu tấn (tương đương 9,1 triệu m<sup>3</sup>), bình quân mỗi tháng vào khoảng 2,1 triệu m<sup>3</sup>.

#### ■ Diễn biến giá

Về giá cả, thị trường trong nước điều hành bám sát biến động giá thế giới. dù có những đợt điều chỉnh tăng trong tháng 6 khiến giá xăng tăng 4,12% so với tháng trước, nhưng nhìn chung giá xăng dầu trong nước vẫn duy trì ở mức thấp hơn so với cùng kỳ năm trước và các năm gần đây.



Trong 6 tháng đầu năm, giá xăng dầu trong nước đã trải qua 26 phiên điều chỉnh, gồm 11 phiên tăng, 9 phiên giảm và 6 phiên tăng - giảm trái chiều.

Bên cạnh đó, tuy bị ảnh hưởng bởi xung đột địa chính trị tại Trung Đông và căng thẳng Nga - Ukraine khiến giá dầu thế giới tăng, kéo mức chiết khấu xăng dầu có lúc giảm sâu xuống chỉ còn 100 - 500 đồng/lít, nhưng đến cuối tháng 6, nhờ tín hiệu hòa dịu, giá dầu hạ nhiệt và chiết khấu phục hồi rõ rệt. Ngày 30/6, nhiều doanh nghiệp đầu mỗi nâng chiết khấu lên mức 1.600 - 2.600 đồng/lít.

### 1.2. Dự báo

#### 1.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

##### ▪ *Cung dầu mỏ*

Trong tháng 6/2025, triển vọng nguồn cung dầu mỏ toàn cầu được định hình bởi sự đan xen giữa các yếu tố địa chính trị phức tạp, diễn biến chính sách của các nền kinh tế lớn.

Ngày 22/6, việc bỏ phiếu thông qua đề xuất đóng cửa Eo biển Hormuz - tuyến vận chuyển khoảng 20% nguồn cung dầu toàn cầu - đã làm gia tăng lo ngại về sự gián đoạn nghiêm trọng trong chuỗi cung ứng, đặc biệt khi căng thẳng Israel - Iran tiếp tục leo thang, có thể ảnh hưởng đến khoảng 20 triệu thùng dầu/ngày.

Đồng thời, ngày 10/6, EU công bố gói trừng phạt thứ 18 nhằm siết chặt kiểm soát dầu Nga, bao gồm việc giảm mức giá trần dầu xuống 45 USD/thùng và đưa hàng chục tàu vận chuyển vào danh sách cấm vận, trong khi Nga gia hạn lệnh cấm xuất khẩu dầu đối với các hợp đồng áp giá trần đến hết năm 2025, càng làm gia tăng bất ổn nguồn cung từ khu vực này.

Mặc dù ngắn hạn tiềm ẩn nhiều rủi ro, nhưng về trung và dài hạn, các tổ chức năng lượng lớn vẫn đưa ra những dự báo tương đối lạc quan về triển vọng nguồn cung toàn cầu. Cụ thể, ngày 4/6, *Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) dự báo lượng tồn kho dầu toàn cầu sẽ tăng trung bình hơn 800.000 thùng/ngày trong năm 2025* - mức cao nhất kể từ khi bắt đầu chu kỳ dự báo - cho thấy nguy cơ dư cung ngày càng rõ nét.

Tiếp đó, ngày 17/6, *Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) nhận định công suất khai thác toàn cầu dự kiến sẽ tăng thêm hơn 5 triệu thùng/ngày, đạt 114,7 triệu thùng/ngày vào năm 2030*. IEA cũng nhấn mạnh rằng nếu không xảy ra các biến động địa chính trị nghiêm trọng, thị trường dầu mỏ trong trung và dài hạn sẽ tiếp tục được đảm bảo về nguồn cung.

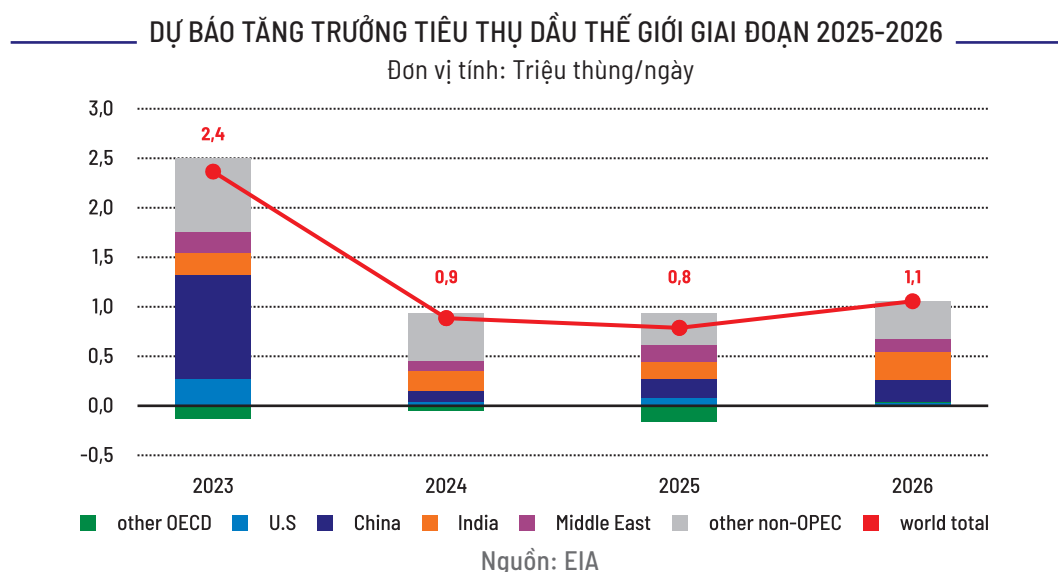
Song song với đó, ngày 26/6, *Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) giữ nguyên dự báo rằng nguồn cung dầu lỏng từ nhóm ngoài Tuyên bố Hợp tác (non-DoC) sẽ tăng 0,8 triệu thùng/ngày trong năm 2025, trong đó Mỹ, Brazil, Canada và Argentina tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong tăng trưởng sản lượng*.

## ■ Cầu dầu mỏ

Trong tháng qua, phần lớn các tổ chức năng lượng quốc tế đã điều chỉnh dự báo nhu cầu dầu mỏ, phản ánh rõ sự phân hóa giữa các khu vực cũng như xu hướng chuyển dịch dài hạn trong hành vi tiêu dùng năng lượng toàn cầu.

Tại hai thị trường tiêu thụ lớn nhất là Mỹ và Trung Quốc, đà tăng nhu cầu dầu đang có dấu hiệu chững lại rõ rệt, chủ yếu do hiệu quả sử dụng nhiên liệu được cải thiện, kinh tế tăng trưởng chậm lại và sự gia tăng nhanh chóng của xe điện. Tuy nhiên, tác động từ xung đột Ukraine hiện không còn ảnh hưởng mạnh như trước, do phần lớn rủi ro đã được phản ánh vào giá.

Ngày 10/6, Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) dự báo tiêu thụ dầu toàn cầu dự kiến sẽ tăng 0,8 triệu thùng/ngày trong năm 2025 và 1,1 triệu thùng/ngày trong năm 2026, chủ yếu nhờ nhu cầu tăng mạnh tại các quốc gia ngoài OECD. Trong khi đó, mức tiêu thụ của khối OECD gần như đi ngang trong cả giai đoạn dự báo.



Trong khi đó, ngày 26/6, Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) giữ nguyên dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu toàn cầu ở mức 1,3 triệu thùng/ngày cho cả năm 2025 và 2026. Trong đó, nhu cầu từ các quốc gia ngoài OECD tiếp tục đóng vai trò chủ đạo với mức tăng lần lượt 1,1 và 1,2 triệu thùng/ngày. Đối với nhóm nước thuộc Tuyên bố Hợp tác (DoC), OPEC cũng điều chỉnh tăng nhẹ nhu cầu dầu thô, phản ánh xu hướng phục hồi thực tế trong quý I/2025.

Về dài hạn, ngày 17/6, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo nhu cầu dầu toàn cầu sẽ tiếp tục tăng cho đến cuối thập niên này, dù Trung Quốc dự kiến sẽ đạt đỉnh tiêu thụ vào năm 2027. Tại Mỹ - nơi tốc độ chuyển đổi sang xe điện còn chậm và giá xăng vẫn ở mức thấp - nhu cầu tiêu thụ được điều chỉnh tăng mạnh, với dự báo năm 2030 tăng thêm 1,1 triệu thùng/ngày so với ước tính trước đó. Theo IEA, nhu cầu dầu thế giới sẽ đạt đỉnh ở mức 105,6 triệu thùng/ngày vào năm 2029 trước khi giảm nhẹ trong năm 2030.

### ■ *Diễn biến giá*

Trong tháng 6/2025, hàng loạt tổ chức và chuyên gia phân tích đã điều chỉnh lại dự báo giá dầu với xu hướng trái chiều, phản ánh những bất ổn gia tăng trên thị trường năng lượng toàn cầu. Căng thẳng địa chính trị leo thang tại Trung Đông - đặc biệt sau khi Israel tấn công Iran và Mỹ chính thức can thiệp - đã khiến giới phân tích lo ngại giá dầu có thể vượt mốc 100 USD/thùng trong thời gian tới.

*Theo khảo sát của Reuters với 40 nhà phân tích, giá dầu Brent trung bình trong năm 2025 được dự báo tăng lên mức 67,86 USD/thùng (so với mức 66,98 USD/thùng dự báo hồi tháng 5), còn giá dầu WTI được điều chỉnh lên 64,51 USD/thùng.*

Tuy nhiên, một số tổ chức như Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) vẫn giữ quan điểm thận trọng khi cho rằng lượng tồn kho toàn cầu có xu hướng tăng và nhu cầu tiêu thụ yếu sẽ tiếp tục gây áp lực giảm giá. *EIA dự báo giá dầu Brent trung bình năm 2025 sẽ giảm xuống còn 61 USD/thùng và tiếp tục lùi về 59 USD/thùng vào năm 2026.*

Nhìn chung, triển vọng giá dầu đang bị chi phối bởi hai lực đối nghịch: một bên là rủi ro địa chính trị khiến giá tăng mạnh, trong khi bên kia là lo ngại về tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại và nguồn cung ổn định từ OPEC+.

### 1.2.2. Thị trường trong nước

#### ■ *Cung dầu mỏ*

Trong nửa cuối năm 2025, nguồn cung dầu mỏ của Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục ổn định và đáp ứng đầy đủ nhu cầu tiêu dùng trong nước, nhờ sự chủ động trong công tác sản xuất và nhập khẩu. Theo kế hoạch của Bộ Công Thương, tổng nguồn cung xăng dầu trong giai đoạn này ước đạt 12,58 triệu tấn (tương đương 15,1 triệu m<sup>3</sup>), bao gồm 7,7 triệu tấn từ sản xuất trong nước và 5,1 triệu tấn từ nhập khẩu.

Trong khi đó, diễn biến giá dầu trên thị trường thế giới cũng mang lại nhiều cơ hội cho ngành lọc - hóa dầu trong nước. Việc Saudi Aramco tiếp tục hạ giá bán dầu cho thị trường châu Á, trong bối cảnh OPEC+ tăng sản lượng, đã kéo giá dầu thô toàn cầu giảm sâu, tạo điều kiện thuận lợi để các nhà máy như Dung Quất và Nghi Sơn tối ưu chi phí nguyên liệu đầu vào, qua đó cải thiện biên lợi nhuận. Tuy nhiên, mặt trái của xu hướng này là áp lực cạnh tranh gia tăng từ các nhà sản xuất khu vực có chi phí thấp, khiến hoạt động xuất khẩu xăng dầu của Việt Nam đứng trước nguy cơ bị ép giá, nhất là trong bối cảnh tỷ giá và chi phí logistics quốc tế vẫn tiềm ẩn nhiều biến động.

Ngoài ra, triển vọng nguồn cung trung - dài hạn cũng được củng cố nhờ loạt tiến triển tích cực từ các dự án dầu khí trong nước. Nhiều phát hiện dầu mới liên tục được ghi nhận tại các mỏ đang khai thác và phát triển, như mỏ Golden Sea Lion (Lô 15-2/17), Lô 15-1/05, hay giếng Lạc Đà Hồng -1X, cho thấy tiềm năng trữ lượng lớn và khả năng mở rộng sản lượng trong thời gian tới. Đồng thời, các dự án trọng điểm như Lô B - Ô Môn, cùng hệ thống hạ tầng năng lượng then chốt như cảng LNG Thị Vải, kho LNG Cái Mép, cũng đang đạt tiến độ khả quan, góp phần nâng cao khả năng tự chủ và đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

**CÁC DỰ ÁN DẦU KHÍ TRONG NƯỚC ĐÃ ĐẠT NHIỀU BƯỚC TIẾN ĐÁNG KỂ**

| DỰ ÁN                                  | Chủ đầu tư chính và đối tác                                      | Tiến độ                                                                                                                                                                                                              |
|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Mỏ Đại Hùng - Giai đoạn 3              | PVEP (PVN) & liên doanh Việt - Nga                               | Hoàn thành sớm hơn kế hoạch 20 ngày, với giàn dầu giếng (Wellhead Platform- WHP) DH01 chính thức khai thác dòng dầu thương mại đầu tiên ngày 7/5/25.                                                                 |
| Mỏ Kinh Ngư Trắng - Kinh Ngư Trắng Nam | Vietsovpetro, PVEP, Zarubezhneft                                 | Vietsovpetro và PVEP ký kết các thỏa thuận Lô 09-2/09 gồm Hợp đồng thu gom khí đồng hành, Thỏa thuận lấy dầu mỏ Kinh Ngư Trắng - Kinh Ngư Trắng Nam, Thỏa thuận kết nối mỏ, Thỏa thuận đo đếm và phân chia sản phẩm. |
| Lô B Ô Môn                             | PVN, PVEP, MOECO, PTTEP, PV GAS (SWPOC), Marubeni, EVN, PV Power | EPCI #1 (22%), EPCI #2 (47%), EPC #3 đường ống bờ: tiến độ giải phóng mặt bằng đang chậm so với kế hoạch.                                                                                                            |
| Sư Tử Trắng 2B                         | PVEP, Cửu Long JOC, Perenco, KNOC, SK, Geopetrol                 | Petrovietnam và các đối tác vừa ký Thỏa thuận Khung (HOA). Mục tiêu là khai thác dòng khí đầu tiên vào quý 3/2026.                                                                                                   |
| Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 - 4          | PV Power; Tổng thầu: Samsung C&T + Lilama                        | Nhơn Trạch 3 đã hòa lưới điện quốc gia ngày 5/2/25. Nhơn Trạch 4 chính thức đốt lửa lần đầu ngày 6/6/25, sẵn sàng cho giai đoạn vận hành thương mại dự kiến vào tháng 11/25.                                         |
| Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1          | PVN; Tổng thầu: Power Machines (Nga), BTG, PTSC                  | Đã ra quân đẩy nhanh tiến độ từ tháng 1/25, dự kiến hoàn thành trước năm 2027.                                                                                                                                       |
| Kho LNG Thị Vải - Giai đoạn 2          | PV GAS; Tổng thầu: Samsung C&T, PTSC                             | PVN đã chấp thuận FS, PV GAS đã phê duyệt FS dự án, đang triển khai gói thiết kế kỹ thuật tổng thể (FEED) và lập dự toán xây dựng công trình.                                                                        |
| Kho LNG Sơn Mỹ                         | PV GAS + AES (thông qua Công ty TNHH Kho LNG Sơn Mỹ)             | PV GAS đang bám sát các Bộ/Ban/Ngành để được phê duyệt báo cáo ĐTM và FS của dự án.                                                                                                                                  |

Nguồn: VCBS

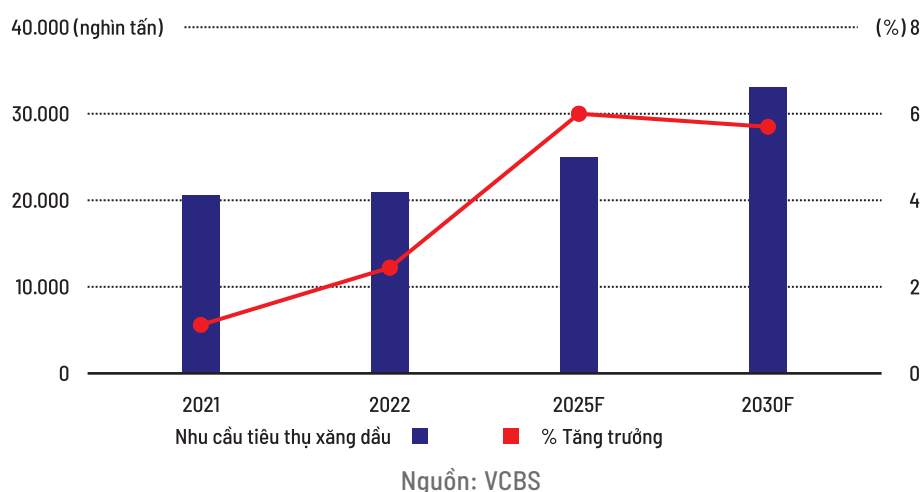
■ **Cầu dầu mỏ**

Bất chấp những thách thức chung của ngành lọc dầu toàn cầu. Theo Bộ Công Thương, sản lượng xăng dầu tiêu thụ trong năm 2025 dự kiến tăng hơn 8% so với năm trước, nhờ nền kinh tế tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao và nhu cầu năng lượng phục hồi mạnh, đặc biệt từ các lĩnh vực vận tải, công nghiệp và thương mại.

Riêng trong 6 tháng cuối năm 2025, tiêu thụ nội địa ước đạt khoảng 13,2 triệu m<sup>3</sup>, tương đương bình quân 2,2 triệu m<sup>3</sup> mỗi tháng, cho thấy mức cầu duy trì ở ngưỡng cao và ổn định.

Trong bối cảnh biên lợi nhuận ngành lọc dầu toàn cầu có xu hướng thu hẹp do nhu cầu nhiên liệu sụt giảm ở nhiều khu vực, thị trường trong nước với tốc độ tiêu thụ tăng trưởng dương đang trở thành điểm tựa quan trọng giúp các doanh nghiệp lọc - hóa dầu trong nước duy trì hoạt động ổn định và từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh.

NHU CẦU TIÊU THỤ XĂNG DẦU TRONG NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN 2025-2030



■ *Diễn biến giá*

Trong thời gian tới, giá xăng dầu tại Việt Nam dự kiến sẽ có xu hướng điều chỉnh nhẹ do tác động từ chính sách giảm thuế giá trị gia tăng (VAT) từ 10% xuống còn 8% theo Nghị quyết của Quốc hội, bắt đầu áp dụng từ ngày 1/7. Theo đó, giá bán lẻ xăng E5 RON 92 và RON 95-III có thể giảm khoảng 100-130 đồng/lít, trong khi các mặt hàng dầu (trừ dầu mazut) sẽ giảm thêm từ 140-200 đồng/lít. Tuy nhiên, mức điều chỉnh này được đánh giá là không quá lớn, và giá xăng dầu trong nước vẫn sẽ duy trì ở ngưỡng cao so với mức hòa vốn của nhiều dự án khai thác dầu nội địa, phản ánh áp lực chi phí và biến động khó lường từ thị trường thế giới.

## **2. THỊ TRƯỜNG KHÍ**

### **2.1. Thông tin trong kỳ**

#### **2.1.1. Thị trường thế giới/khu vực**

##### **■ Cung khí**

Nguồn cung khí toàn cầu trong tháng 6/2025 vẫn duy trì ở mức tương đối ổn định, nhờ sự linh hoạt trong tái phân bổ và điều chỉnh giữa các thị trường lớn.

Tại Mỹ, dự trữ khí tự nhiên đang cao hơn mức trung bình 5 năm khoảng 5%. Tuy nhiên, nguồn cung nội địa vẫn tương đối hạn chế do xuất khẩu LNG duy trì ở mức cao. Dù vậy, tổng lượng LNG xuất khẩu của Mỹ trong tháng 6 chỉ đạt 8,4 triệu tấn - thấp hơn so với mức 8,9 triệu tấn của tháng 5 và 9,3 triệu tấn trong tháng 4 - do ảnh hưởng từ hoạt động bảo trì định kỳ tại các cơ sở xuất khẩu LNG lớn.

Tại Trung Đông, Qatar vẫn giữ vững vai trò là nhà cung cấp ổn định nhất thế giới. Dù căng thẳng địa chính trị tại vùng Vịnh leo thang sau các vụ không kích giữa Mỹ và Iran, hoạt động xuất khẩu LNG của Qatar không bị gián đoạn.

Bên cạnh đó, Israel cũng đã chính thức nối lại hoạt động xuất khẩu khí đốt từ các mỏ ngoài khơi Địa Trung Hải, đặc biệt là mỏ Leviathan, sau thời gian ngừng trệ do bất ổn khu vực, góp phần làm phong phú thêm nguồn cung cho châu Âu và Thổ Nhĩ Kỳ.

Tại châu Á, Trung Quốc tiếp tục đẩy mạnh tái xuất LNG, với hơn 280.000 tấn được xuất khẩu trong tháng 6 - một phần nhờ nhu cầu nội địa giảm nhẹ và giá LNG giao ngay trên thị trường quốc tế đang ở mức hấp dẫn.

Trong khi đó, Nhật Bản và Hàn Quốc đều giảm lượng nhập khẩu LNG do thời tiết tương đối ôn hòa và tồn kho cao, giúp hạ áp lực cạnh tranh về nguồn cung tại khu vực Đông Bắc Á.

Ở châu Âu, nguồn cung khí vẫn duy trì ổn định nhờ dự trữ khí tự nhiên được bổ sung liên tục trong mùa xuân. Xuất khẩu khí đốt của Nga qua tuyến TurkStream sang EU tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khoảng 12-14% so với cùng kỳ năm trước, bất chấp căng thẳng địa chính trị kéo dài.

##### **■ Cầu khí**

Nhu cầu khí đốt toàn cầu tiếp tục phân hóa rõ nét giữa các khu vực trong tháng 6/2025, phản ánh những ảnh hưởng đan xen từ kinh tế, thời tiết và địa chính trị.

Tại châu Á, nhu cầu khí đốt nhìn chung vẫn ở mức yếu, đặc biệt tại Trung Quốc, nơi lượng nhập khẩu LNG tiếp tục sụt giảm trong tháng thứ tám liên tiếp, với mức giảm 6-11% so với cùng kỳ năm 2024. Sự suy giảm này bắt nguồn từ tăng trưởng kinh tế chậm lại, nhu cầu công nghiệp yếu, nguồn cung khí nội địa và khí qua đường ống vẫn ổn định, cùng với tác động kéo dài của các rào cản thương mại với Mỹ. Điều

này đã khiến Trung Quốc ngừng hoàn toàn nhập khẩu LNG từ Mỹ kể từ đầu năm và chỉ duy trì lượng nhỏ giao dịch với các đối tác khác.

Ngược lại, một số thị trường châu Á khác lại ghi nhận nhu cầu tăng. Đài Loan đã đẩy mạnh nhập khẩu LNG trong tháng 6 do nhu cầu điện cao đột biến khi nước này phải dừng vận hành một số nhà máy điện hạt nhân và trải qua đợt nắng nóng kéo dài.

Trong khi đó, Campuchia bất ngờ tuyên bố ngừng toàn bộ nhập khẩu khí đốt từ Thái Lan kể từ nửa đêm 22/6, làm gián đoạn dòng chảy khu vực và đặt ra thách thức lớn trong việc đảm bảo năng lượng cho nước này trong ngắn hạn.

Tại châu Âu, nhu cầu tương đối ổn định trong bối cảnh các quốc gia tiếp tục tận dụng nguồn cung LNG chuyển hướng từ châu Á - đặc biệt là từ nguồn hàng dư thừa do nhu cầu yếu tại Trung Quốc.

Tuy nhiên, tại Ukraine, tình hình vẫn đặc biệt nghiêm trọng: mức lấp đầy công suất lưu trữ khí chỉ đạt khoảng 2,2% - thấp nhất trong lịch sử - trong khi nhu cầu cho mùa đông tới có thể lên tới 6 tỷ m<sup>3</sup> khí đốt, khiến quốc gia này tiếp tục đối mặt với nguy cơ thiếu hụt khí trầm trọng trong bối cảnh chiến sự chưa có dấu hiệu hạ nhiệt.

Ngoài ra, tại Hoa Kỳ, nhu cầu khí đốt nội địa tăng mạnh trong tháng 6 do thời tiết bắt đầu nóng lên và nhu cầu làm mát gia tăng.

### ■ *Diễn biến giá*

Trong tháng 6/2025, giá khí đốt thế giới tiếp tục xu hướng giảm, dao động quanh mức 3.500-4.000 USD do nhu cầu tiêu thụ suy yếu, thời tiết ôn hòa và tồn kho cao tại châu Âu và châu Á. Mặc dù xung đột Nga-Ukraine và căng thẳng tại Trung Đông vẫn kéo dài, nguồn cung khí không bị gián đoạn đáng kể nhờ hệ thống nhập khẩu LNG ổn định. Thêm vào đó, các chính sách thương mại mới của Mỹ khiến thị trường thận trọng hơn, song chưa đủ để tạo đột biến về giá.

### DIỄN BIẾN GIÁ KHÍ ĐỐT TỰ NHIÊN THẾ GIỚI

Đơn vị tính: USD/mmBTU



Nguồn: Investing

### 2.1.2. Thị trường trong nước

Thị trường khí đốt tại Việt Nam trong tháng 6/2025 tiếp tục diễn biến theo xu hướng toàn cầu khi giá gas bán lẻ trong nước giảm nhẹ, phản ánh tác động từ việc giá CP quốc tế giảm khoảng 15 USD/tấn. Theo đó, giá bán lẻ tại khu vực miền Đông - Tây Nam Bộ được điều chỉnh xuống còn khoảng 470.400 đồng/bình 12 kg và 1.765.000 đồng/bình 45 kg, tương đương mức giảm khoảng 5.000 đồng/bình 12 kg so với tháng trước.

Tuy nhiên, thị trường trong nước cũng đang đối mặt với một số thách thức. Sản lượng khai thác khí nội địa đang có dấu hiệu suy giảm do các mỏ khí lớn như mỏ Rồng Đỏ, Nam Côn Sơn và PM3-CAA bước vào giai đoạn suy thoái tự nhiên, gây áp lực lên nguồn cung trong dài hạn.

Nhu cầu tiêu thụ khí từ các nhà máy điện và hộ gia đình vẫn ở mức thấp, trong đó khí dân dụng tiếp tục xu hướng giảm do điều kiện thời tiết ôn hòa kéo dài và xu hướng chuyển dịch sang các nguồn năng lượng thay thế như điện mặt trời hoặc bếp từ.

Đáng chú ý, trong tháng qua, Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV GAS) - đơn vị đầu mối cung ứng khí lớn nhất cả nước - cho biết sản lượng khí tiếp nhận và tiêu thụ trong 5 tháng đầu năm 2025 mới chỉ đạt khoảng 45-50% kế hoạch năm, phản ánh nhu cầu thị trường chưa phục hồi như kỳ vọng. Trước thực trạng đó, PV GAS đã kiến nghị Bộ Công Thương ưu tiên huy động khí nội địa và thúc đẩy tiêu thụ khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) tái hóa để đảm bảo an ninh năng lượng và nâng cao hiệu quả sử dụng hạ tầng đã đầu tư.

## 2.2. Dự báo

### 2.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

#### ▪ Cung khí

Trong thời gian tới, nguồn cung khí toàn cầu được dự báo sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều bất ổn do chịu tác động từ cả yếu tố địa chính trị lẫn chính sách năng lượng mới.

Căng thẳng leo thang tại Trung Đông, đặc biệt là nguy cơ Iran đóng cửa Eo biển Hormuz - tuyến vận chuyển chiến lược một lượng lớn LNG toàn cầu - đang làm dấy lên lo ngại nghiêm trọng về khả năng gián đoạn nguồn cung, nhất là với khu vực châu Á vốn phụ thuộc tới 88% lượng LNG nhập khẩu từ Trung Đông.

Trong khi đó, Liên minh châu Âu (EU) tiếp tục đẩy mạnh giảm phụ thuộc vào nguồn cung từ Nga thông qua lộ trình cấm nhập khẩu khí đốt và LNG Nga đến hết năm 2027, đồng thời yêu cầu các quốc gia thành viên duy trì dự trữ khí ở mức tối thiểu 90% trước mùa Đông.

Về ngắn hạn, nhu cầu làm mát trong mùa hè cùng với bất ổn địa chính trị có thể khiến giá khí duy trì ở mức cao hoặc tăng nhẹ. Tuy nhiên, về trung hạn, việc mở rộng hạ tầng xuất khẩu LNG tại Mỹ và các hợp đồng dài hạn mới từ các nhà cung cấp lớn như Woodside hay Petronas được kỳ vọng sẽ góp phần ổn định và cân bằng lại nguồn cung toàn cầu.

## ■ Cầu khí

Nhu cầu khí toàn cầu trong thời gian tới được dự báo sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao, đặc biệt trong bối cảnh mùa hè kéo dài khiến nhu cầu làm mát tăng mạnh tại nhiều khu vực, nhất là ở châu Á và châu Âu.

Tại châu Âu, việc EU yêu cầu các quốc gia thành viên duy trì kho dự trữ khí ở mức tối thiểu 90% trước mùa Đông đang thúc đẩy các hoạt động thu mua khí, làm gia tăng áp lực lên thị trường.

Tại châu Á - khu vực nhập khẩu LNG lớn nhất thế giới - nhu cầu khí vẫn duy trì ổn định do nhu cầu công nghiệp, phát điện và xu hướng chuyển dịch từ than sang khí nhằm giảm phát thải.

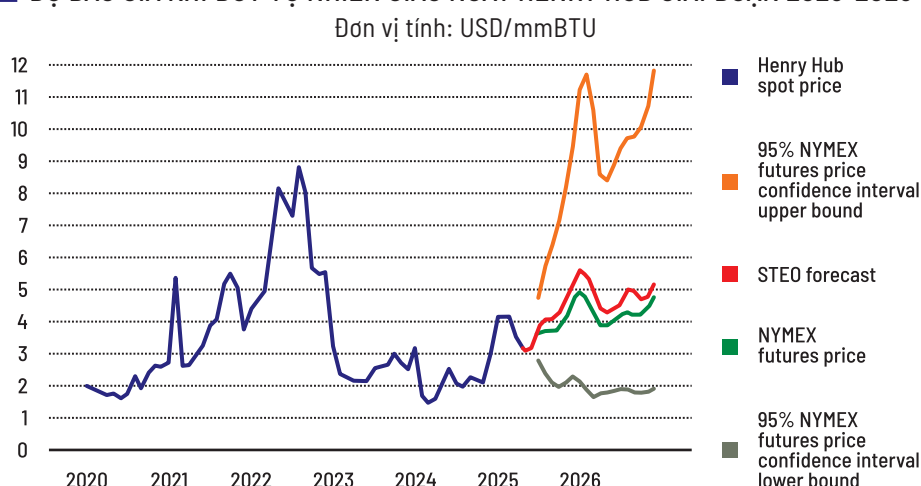
Ngoài ra, các yếu tố rủi ro như gián đoạn nguồn cung qua Eo biển Hormuz hoặc việc EU cắt giảm nhập khẩu khí từ Nga cũng có thể khiến các quốc gia đẩy mạnh tích trữ khí để phòng ngừa khủng hoảng năng lượng, qua đó duy trì nhu cầu cao trong ngắn và trung hạn.

## ■ Diễn biến giá

Giá khí đốt toàn cầu trong thời gian tới được dự báo sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao và có xu hướng tăng nhẹ do chịu tác động đồng thời từ căng thẳng địa chính trị kéo dài tại Trung Đông - đặc biệt là nguy cơ gián đoạn tại Eo biển Hormuz, tuyến vận chuyển chiến lược của LNG toàn cầu - và xu hướng tích trữ khí ngày càng mạnh mẽ của Liên minh châu Âu trước mùa Đông.

Ngày 10/6, Cơ quan Thông tin Năng lượng Hoa Kỳ (EIA), giá khí tự nhiên giao ngay tại Henry Hub được dự báo trung bình sẽ ở mức 4,00 USD/MMBtu trong năm 2025 và tăng lên 4,90 USD/MMBtu vào năm 2026 - gần gấp đôi mức trung bình 2,20 USD/MMBtu của năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu đến từ tốc độ tăng trưởng xuất khẩu LNG mạnh mẽ trong khi sản lượng khí đốt tại Mỹ chưa theo kịp, khiến cung cầu tiếp tục mất cân đối.

### DỰ BÁO GIÁ KHÍ ĐỐT TỰ NHIÊN GIAO NGAY HENRY HUB GIAI ĐOẠN 2025-2026



Nguồn: EIA

### **2.2.2. Thị trường trong nước**

Thị trường khí tại Việt Nam trong thời gian tới được dự báo sẽ đối mặt với nhiều thách thức do nguồn cung nội địa suy giảm nhanh chóng, trong khi nhu cầu tiêu thụ khí lại gia tăng mạnh mẽ.

Với tốc độ suy giảm sản lượng khai thác khí trung bình 5%/năm kể từ năm 2013, Việt Nam đang rơi vào tình trạng mất cân đối cung - cầu ngày càng nghiêm trọng, đặc biệt khi nhu cầu khí trong nước dự kiến sẽ tăng từ 13 tỷ m<sup>3</sup> năm 2020 lên hơn 22 tỷ m<sup>3</sup> năm 2025 và vượt 34 tỷ m<sup>3</sup> năm 2030, chủ yếu phục vụ các lĩnh vực điện, công nghiệp, giao thông và hóa chất.

Trước thực trạng đó, việc phát triển các mỏ khí mới kết hợp với nhập khẩu LNG là giải pháp cấp thiết để bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Theo Quy hoạch điện VIII điều chỉnh, Việt Nam đặt mục tiêu phát triển mạnh nguồn điện khí, trong đó LNG đóng vai trò then chốt với công suất dự kiến đạt 22.524 MW vào năm 2030, chiếm từ 9,5% đến 12,3% tổng công suất ngành điện.

Tuy nhiên, tiến độ triển khai các dự án LNG hiện vẫn còn chậm khi đến nay chỉ có hai dự án là Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và 4 đạt được bước tiến cụ thể, trong tổng số 21 dự án được đề cập.

Bên cạnh các yếu tố nội tại, thị trường khí trong nước cũng chịu tác động từ tình hình địa chính trị toàn cầu, đặc biệt là căng thẳng tại Trung Đông - nơi có Eo biển Hormuz đóng vai trò huyết mạch cho hoạt động vận chuyển LNG toàn cầu. Những rủi ro về gián đoạn nguồn cung do xung đột tại khu vực này không chỉ đẩy giá khí thế giới tăng mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí nhập khẩu và bảo đảm nguồn cung LNG cho Việt Nam.

### **3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN**

#### **3.1. Thông tin trong kỳ**

##### **3.1.1. Thị trường thế giới/khu vực**

###### **▪ Cung phân bón**

Trong tháng 6/2025, nguồn cung phân bón toàn cầu, đặc biệt là ure, chịu tác động nghiêm trọng từ các xung đột địa chính trị leo thang, đặc biệt là giữa Iran và Israel.

Iran - một trong những quốc gia xuất khẩu ure lớn nhất thế giới - đã buộc phải tạm ngừng toàn bộ 7 nhà máy sản xuất ure và amoniac do bị tấn công quân sự, làm gián đoạn đáng kể nguồn cung ure từ khu vực Trung Đông - vốn có lợi thế về chi phí sản xuất thấp nhờ giá khí đầu vào rẻ.

Bên cạnh đó, các nhà sản xuất phân bón tại Ai Cập cũng phải dừng hoạt động do nguồn cung khí đốt từ Israel bị gián đoạn sau khi Israel ngừng khai thác các mỏ khí lớn vì lý do an ninh.

Trong khi tại Brazil, thị trường trở nên bất ổn với các nhà cung cấp đồng loạt rút lui và ngừng báo giá do giá biến động mạnh.

Ngoài ra, tình hình càng thêm phức tạp khi Nga - một trong những quốc gia xuất khẩu phân bón chủ lực - bị áp thuế bổ sung đối với các mặt hàng phân bón từ nhiều quốc gia phương Tây, khiến khối lượng xuất khẩu bị siết chặt và giá thành tăng cao.

###### **▪ Cầu phân bón**

Nhu cầu phân bón toàn cầu trong tháng qua có xu hướng tăng trở lại, đặc biệt tại các khu vực đang bước vào mùa vụ chính như Nam Á, Đông Nam Á và Nam Mỹ.

Tại Ấn Độ, nhu cầu ure và DAP gia tăng mạnh nhằm phục vụ gieo trồng vụ mới, trong khi Brazil tiếp tục đẩy mạnh nhập khẩu để chuẩn bị cho vụ trồng đậu nành cuối năm.

Ở Đông Nam Á, điều kiện thời tiết thuận lợi thúc đẩy hoạt động canh tác, kéo theo nhu cầu tiêu thụ phân bón phục hồi.

Tuy nhiên, tại châu Âu và Bắc Mỹ, nhu cầu có phần chững lại sau giai đoạn cao điểm đầu năm.

###### **▪ Diễn biến giá**

Trong tháng 6/2025, giá ure thế giới ghi nhận những biến động mạnh, chủ yếu do tác động của căng thẳng địa chính trị và sự gián đoạn nguồn cung nghiêm trọng.

Trong nửa đầu tháng, giá ure đã tăng vọt hơn 25% chỉ sau vài phiên giao dịch, chủ yếu xuất phát từ xung đột leo thang giữa Iran và Israel - khiến toàn bộ các nhà máy sản xuất ure và amoniac tại Iran phải ngừng hoạt động. Trung Đông, đặc biệt là khu vực Tây Á - nơi chiếm tỷ trọng lớn trong nguồn cung ure toàn cầu nhờ lợi thế khí tự nhiên giá rẻ - cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng, càng làm gia tăng áp lực lên thị trường. Có thời điểm giá ure vượt mốc 470 USD/tấn, trước khi điều chỉnh nhẹ vào cuối tháng. Diễn biến này phản ánh rõ sự bất ổn của thị trường và những lo ngại sâu sắc về nguy cơ thiếu hụt nguồn cung trong bối cảnh căng thẳng khu vực vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt.

#### DIỄN BIẾN GIÁ URE THẾ GIỚI

Đơn vị tính: USD/tấn



Nguồn: AgroMonitor

### 3.1.2. Thị trường trong nước

#### ■ *Cung phân bón*

Trong tháng 6/2025, nguồn cung phân bón tại Việt Nam tiếp tục được đảm bảo nhờ vào sản lượng ổn định từ 4 nhà máy lớn gồm: Đạm Phú Mỹ, Đạm Cà Mau (thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - PVN) và Đạm Hà Bắc, Đạm Ninh Bình (thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam - Vinachem) với tổng công suất gần 3 triệu tấn/năm.

Nguồn cung ure sản xuất trong nước vượt nhu cầu tiêu thụ nội địa, cho phép các doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường như Campuchia, Hàn Quốc, Malaysia và Australia nhằm duy trì sản xuất hiệu quả.

#### ■ *Cầu phân bón*

Tiêu thụ phân bón trong nước trong tháng 6/2025 ước đạt khoảng 170 nghìn tấn, tăng khoảng 10 nghìn tấn so với tháng trước.

Sự gia tăng này chủ yếu đến từ các khu vực Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và miền Trung, nơi nhu cầu sản xuất nông nghiệp đang vào cao điểm.

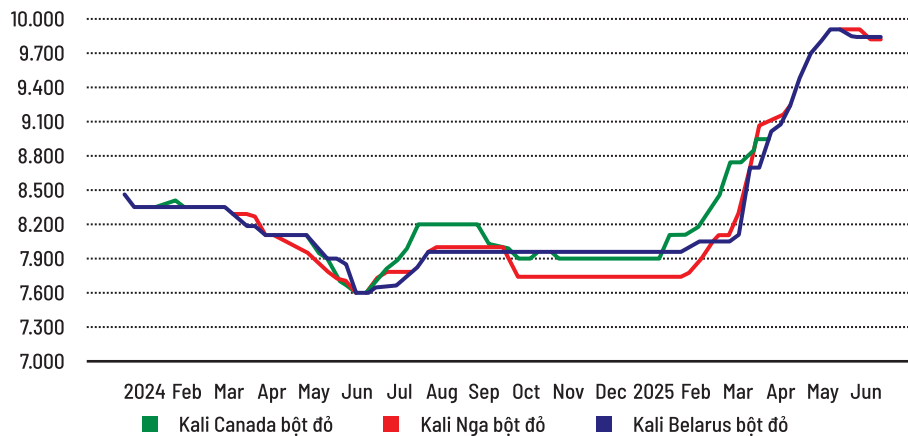
Ngược lại, lượng tiêu thụ tại miền Bắc và miền Nam ghi nhận xu hướng chậm lại do thời tiết và chu kỳ sản xuất.

### ■ Diễn biến giá

Giá ure tại Việt Nam trong tháng 6/2025 ghi nhận nhiều biến động, khi trong nửa đầu tháng giá giảm chậm và có xu hướng chững lại. Tuy nhiên, từ tuần giữa tháng, các nhà sản xuất lớn như Đạm Phú Mỹ, Đạm Hà Bắc và Đạm Ninh Bình đã đồng loạt tăng giá lệnh tại nhà máy thêm 400-550 đồng/kg so với lệnh cũ. Nguyên nhân chính đến từ việc giá ure thế giới tăng vọt do căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông, đặc biệt là xung đột Israel-Iran. Diễn biến này đã tác động lan tỏa đến thị trường trong nước, buộc doanh nghiệp phải điều chỉnh giá để phản ánh biến động chi phí đầu vào. Trong khi đó, giá Kali vẫn ổn định, ít biến động trong suốt hơn một tháng qua.

#### DIỄN BIẾN GIÁ PHÂN KALI TRONG NƯỚC

Đơn vị tính: VNĐ/kg



Nguồn: AgroMonitor

### 3.2. Dự báo

#### 3.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

##### ■ Cung phân bón

Trong thời gian tới, nguồn cung phân bón thế giới, đặc biệt là phân ure, dự báo sẽ tiếp tục gặp khó khăn do nhiều yếu tố.

Trước hết, Trung Quốc - quốc gia xuất khẩu ure lớn nhất thế giới - vẫn kiểm soát chặt chẽ hạn ngạch xuất khẩu để ưu tiên thị trường nội địa, đồng thời đang siết chặt các quy định về phát thải, buộc nhiều nhà máy ure cũ phải đóng cửa. Ngoài ra, giá than tăng cao tại Trung Quốc cũng khiến chi phí sản xuất ure gia tăng, làm giảm sức cạnh tranh của nguồn hàng từ nước này.

Bên cạnh đó, nguồn cung từ khu vực Trung Đông - nơi chiếm tỷ trọng lớn trong xuất khẩu ure và amoniac - đang bị đe dọa nghiêm trọng do căng thẳng leo thang trong khu vực, đặc biệt là nguy cơ Iran đóng cửa eo biển Hormuz, tuyến đường vận chuyển quan trọng.

Đặc biệt, việc EU chính thức thông qua áp thuế gần 100% lên phân đạm nhập khẩu từ Nga và Belarus từ ngày 1/7/2025 sẽ khiến thị trường châu Âu khan hiếm nguồn cung trầm trọng, buộc khu vực này phải chuyển hướng tìm kiếm hàng hóa từ Trung Đông và Bắc Phi, làm gia tăng áp lực cạnh tranh nguồn cung toàn cầu.

### ■ *Cầu phân bón*

Nhu cầu phân bón - đặc biệt là ure - được dự báo sẽ duy trì ở mức cao trong nửa cuối năm 2025, chủ yếu đến từ các nước châu Á và khu vực Mỹ Latinh.

Tại Ấn Độ, các gói thầu nhập khẩu ure quy mô lớn dự kiến sẽ được triển khai trong quý III/2025 nhằm phục vụ mùa vụ nông nghiệp chính, trong khi tại Brazil và các quốc gia Nam Mỹ khác, nhu cầu ure và DAP cũng tăng mạnh theo chu kỳ gieo trồng cuối năm.

Thêm vào đó, việc Ai Cập bất ngờ ngừng hoạt động một số nhà máy sản xuất ure do thiếu khí đầu vào, càng làm tăng nhu cầu nhập khẩu từ các nước châu Phi và Nam Âu.

### ■ *Diễn biến giá*

Với tình hình cung ứng bị gián đoạn bởi các yếu tố địa chính trị và chính sách thương mại, cùng với nhu cầu ngày càng gia tăng, giá phân bón thế giới - đặc biệt là ure và các loại phân đạm chứa nitơ - được dự báo sẽ tiếp tục tăng trong các quý tới.

Việc EU áp thuế cao với phân bón từ Nga khiến châu Âu chuyển hướng nhập khẩu từ Trung Đông và Bắc Phi, làm giảm lượng hàng có sẵn cho các khu vực khác như Đông Nam Á và Mỹ Latinh, đồng thời thúc đẩy tâm lý gom hàng sớm, đẩy giá tăng nhanh.

Trong ngắn hạn, nếu eo biển Hormuz tiếp tục có nguy cơ bị phong tỏa, giá DAP và ure có thể tăng đột biến. Tuy nhiên, trong trung và dài hạn, giá phân bón sẽ còn phụ thuộc vào tiến độ giải quyết các điểm nghẽn nguồn cung, chính sách xuất khẩu của Trung Quốc, và đặc biệt là xu hướng giá khí đốt toàn cầu.

### 3.2.2. *Thị trường trong nước*

Trong thời gian tới, thị trường phân bón trong nước được dự báo sẽ tiếp tục ghi nhận xu hướng tăng giá, bất chấp chi phí sản xuất có thể giảm nhờ hiệu lực của Luật Thuế Giá trị gia tăng (VAT) mới từ tháng 7/2025.

Theo chính sách mới, phân bón sẽ chịu mức thuế VAT 5%, cho phép doanh nghiệp trong nước được khấu trừ thuế đầu vào, qua đó giảm chi phí sản xuất và cải thiện năng lực cạnh tranh so với hàng nhập khẩu. Tuy nhiên, thay vì điều chỉnh giảm giá bán, nhiều doanh nghiệp dự kiến sẽ ưu tiên phân bổ lợi ích chi phí vào các hoạt động xúc tiến thương mại.

Bên cạnh đó, giá năng lượng - đặc biệt là khí đốt, yếu tố chiếm tới 60-75% chi phí sản xuất phân đạm - vẫn là biến số then chốt tác động tới giá thành. Các doanh nghiệp như Tổng công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí (PVFCCo), dù được hưởng lợi từ hợp đồng dài hạn với PV GAS, vẫn chịu ảnh hưởng gián tiếp từ biến động giá dầu toàn cầu. Vì vậy, trong bối cảnh giá năng lượng còn nhiều rủi ro, giá phân bón nội địa được dự báo sẽ duy trì ở mức cao, nhất là trong các mùa cao điểm tiêu thụ.

## **4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN**

### **4.1. Thông tin trong kỳ**

#### **4.1.1. Thị trường thế giới/khu vực**

Thị trường điện toàn cầu trong tháng 6/2025 chứng kiến nhiều biến động do ảnh hưởng nghiêm trọng từ các đợt nắng nóng cực đoan lan rộng khắp châu Âu, châu Á và Bắc Mỹ, kéo theo nhu cầu sử dụng điện tăng vọt, đặc biệt cho điều hòa không khí và làm mát.

Tại châu Âu, một đợt nắng nóng kỷ lục đã khiến nhu cầu điện tăng trung bình 14%, làm giá điện giao ngay tại các thị trường lớn như Đức, Pháp, Ba Lan tăng từ 100% đến 175%. Trong khi đó, sản lượng điện mặt trời tại EU đạt mức kỷ lục 45 TWh, góp phần bù đắp áp lực thiếu hụt nguồn cung trong những ngày cao điểm.

Tại Hoa Kỳ, khu vực Đông và Trung Tây rơi vào tình trạng báo động khi mức tiêu thụ điện vượt xa dự báo. Giá điện bán buôn tại một số bang như New York, Pennsylvania và New England vọt lên mức 1.000-2.400 USD/MWh, thậm chí Long Island ghi nhận giá kỷ lục lên tới 7.000 USD/MWh do hệ thống điện quá tải.

Ở Nam Á, Ấn Độ và Pakistan chịu ảnh hưởng nặng nề từ đợt nắng nóng vượt 47 °C, khiến nhu cầu điện tăng đột biến.

Tại châu Á, tình hình thị trường điện cũng căng thẳng khi nhiều quốc gia như Ấn Độ, Trung Quốc, Việt Nam... phải đối mặt với thời tiết cực đoan và nhu cầu điện tăng đột biến.

Tại Ấn Độ, nhiệt độ lên tới 47 °C tại các bang phía Bắc và miền Trung khiến mức tiêu thụ điện phá kỷ lục, riêng Andhra Pradesh ghi nhận mức tiêu thụ lên đến 12.251 MW trong ngày 7/6, trong đó gần 50% đến từ năng lượng tái tạo.

Trong khi đó, tại Trung Quốc, việc sử dụng điều hòa gia tăng đột ngột khiến một số thành phố lớn như Bắc Kinh, Thượng Hải buộc phải giới hạn tiêu thụ điện trong giờ cao điểm, trong khi sản lượng thủy điện sụt giảm do mực nước thấp hơn trung bình.

#### **4.1.2. Thị trường trong nước**

Thị trường điện Việt Nam trong tháng 6/2025 ghi nhận nhiều biến động đáng chú ý khi nhu cầu tiêu thụ tăng mạnh do thời tiết nắng nóng kéo dài, trong khi chi phí tiền điện của hộ gia đình và doanh nghiệp cũng tăng đáng kể do tác động từ chính sách giá mới.

Vào trưa ngày 2/6, công suất tiêu thụ tại miền Bắc đạt đỉnh 17.400 MW, vượt xa mức cao nhất của năm 2024. Trong cùng ngày, sản lượng điện tiêu thụ toàn quốc đạt 373,6 triệu kWh - mức cao nhất từ trước đến nay - với công suất đỉnh buổi tối lên tới 18.084 MW, tăng thêm 684 MW chỉ trong chưa đầy 9 tiếng.

Bên cạnh đó, từ ngày 10/5, giá bán lẻ điện bình quân đã được điều chỉnh tăng 4,8%, lên mức 2.204,06 đồng/kWh (chưa VAT). Việc điều chỉnh giá này, kết hợp với mức tiêu thụ điện tăng đột biến trong tháng 6 đã khiến chi phí tiền điện tăng mạnh so với các tháng trước.

Về phía cung ứng, thị trường ghi nhận dấu mốc quan trọng khi Nhà máy điện Nhơn Trạch 4 - một trong hai tổ máy điện khí LNG đầu tiên của Việt Nam - đốt lửa lần đầu thành công vào ngày 6/6 và chính thức hòa lưới quốc gia vào ngày 27/6 với công suất ban đầu 50 MW.

Đến cuối tháng 6, tổ hợp Nhơn Trạch 3 và 4 đã hoàn thành 99,7% khối lượng công việc, sẵn sàng bước vào giai đoạn vận hành thương mại, góp phần quan trọng vào đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia trong bối cảnh nhu cầu ngày càng gia tăng.

### 4.2. Dự báo

#### 4.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Thị trường điện toàn cầu trong những năm tới dự báo sẽ tiếp tục chuyển biến mạnh mẽ dưới tác động kép của nhu cầu tăng cao và xu hướng chuyển dịch năng lượng.

Tiêu thụ điện toàn cầu dự báo sẽ tăng mạnh nhờ vào sự phát triển của các ngành công nghiệp, nhu cầu điều hòa không khí trong bối cảnh nhiệt độ toàn cầu tăng cao, cùng với làn sóng điện khí hóa và mở rộng các trung tâm dữ liệu phục vụ trí tuệ nhân tạo (AI) và điện toán đám mây.

Tại khu vực châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc, tình trạng nắng nóng gay gắt kéo dài đến cuối tháng 8 sẽ khiến mức tiêu thụ điện mùa hè đạt đỉnh, gây áp lực lớn lên hệ thống điện quốc gia. Để đối phó, các quốc gia này đang buộc phải gia tăng sử dụng than nhiệt thay cho LNG nhằm tiết giảm chi phí, làm chậm lại quá trình chuyển đổi năng lượng xanh.

Trong dài hạn, điện hạt nhân dự báo sẽ tiếp tục được mở rộng mạnh mẽ tại các nước như Trung Quốc, Ấn Độ, Pháp, Hàn Quốc và Nhật Bản; đồng thời, đầu tư vào năng lượng tái tạo như gió và mặt trời, đặc biệt tại châu Âu, sẽ vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng cao nhằm đảm bảo cân bằng giữa nhu cầu tiêu dùng điện và mục tiêu phát triển bền vững.

#### 4.2.2. Thị trường trong nước

Thị trường điện Việt Nam dự báo sẽ sôi động hơn nhờ vào việc đưa vào vận hành thương mại hai dự án điện khí LNG lớn là Nhơn Trạch 3 và 4.

Sau khi hoàn tất hòa đồng bộ vào cuối tháng 6, Nhà máy Nhơn Trạch 4 sẽ cùng với Nhơn Trạch 3 - nhà máy điện khí LNG đầu tiên của cả nước - đóng vai trò quan

trọng trong việc tăng cường nguồn cung điện sạch và linh hoạt. Việc này không chỉ góp phần đảm bảo an ninh năng lượng trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ điện mùa hè tăng cao, mà còn hiện thực hóa mục tiêu chuyển đổi năng lượng theo Quy hoạch điện VIII. Tuy nhiên, chi phí sản xuất điện có thể gia tăng do giá LNG nhập khẩu vẫn chịu tác động từ bất ổn địa chính trị toàn cầu, khiến giá bán lẻ điện có thể tiếp tục neo ở mức cao hoặc điều chỉnh tăng thêm.

Trong khi đó, nhu cầu tiêu thụ điện tại Việt Nam dự báo sẽ tiếp tục tăng mạnh, nhất là trong các tháng cao điểm mùa hè do thời tiết nắng nóng kéo dài, sản xuất phục hồi và hoạt động dịch vụ - thương mại sôi động trở lại. Mức tải điện toàn hệ thống có thể duy trì ở ngưỡng cao, tạo áp lực lớn lên nguồn cung, đặc biệt trong khung giờ cao điểm.



## KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2025 của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam) cơ bản được duy trì ổn định, an toàn, hiệu quả, bám sát các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, đóng góp quan trọng vào việc bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.

Sáu tháng đầu năm nay, Tập đoàn đạt doanh thu khoảng 510 nghìn tỷ đồng, nộp ngân sách ước đạt 66,5 nghìn tỷ đồng. Một số chỉ tiêu 6 tháng đầu năm đạt kết quả đáng ghi nhận: Sản lượng khai thác dầu đạt 4,82 triệu tấn; Sản lượng khai thác khí đạt 2,99 tỷ m<sup>3</sup>; Sản xuất điện đạt 16,65 tỷ kWh, tăng 8% so với cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2024; Sản xuất đạm ure vượt kế hoạch 6 tháng, đạt 950,2 nghìn tấn; Sản xuất xăng dầu (không bao gồm sản phẩm của Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn) vượt kế hoạch, đạt 3,78 triệu tấn, tăng 26,8% so với cùng kỳ 2024. Bên cạnh đó, giá trị giải ngân đầu tư 6 tháng đầu năm 2025 ước đạt 20,6 nghìn tỷ đồng, tăng 31,2% so với thực hiện năm 2024. Công tác tiết kiệm, chống lãng phí của các đơn vị trong toàn Petrovietnam đạt 3.528 tỷ đồng, tăng 2,9 lần so với cùng kỳ năm trước.

Trong bối cảnh tình hình kinh tế và ngành năng lượng tháng 6/2025 vẫn tiềm ẩn nhiều biến động, đặt ra không ít thách thức và cơ hội mới cho ngành năng lượng. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp trong ngành như Petrovietnam cần có những điều chỉnh chiến lược để thích nghi và tận dụng những xu hướng này.

***Dưới đây là một số khuyến nghị cụ thể dành cho Petrovietnam, nhằm tối ưu hóa hoạt động và nắm bắt cơ hội trong môi trường kinh doanh hiện tại:***

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực hydrogen xanh, lưu trữ carbon (CCS) và công nghệ năng lượng sạch nhằm đón đầu xu hướng chuyển dịch năng lượng toàn cầu, đồng thời khẳng định vai trò tiên phong của Tập đoàn trong phát triển bền vững ngành năng lượng trong nước. Việc hợp tác sâu rộng cũng góp phần thúc đẩy chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực nội tại và mở rộng không gian phát triển cho các lĩnh vực chiến lược mới.
- Đẩy mạnh truyền thông các thương hiệu của Tập đoàn tại các diễn đàn năng lượng - công nghệ quốc tế, đồng thời phát triển hệ sinh thái truyền thông số với các sản phẩm chuyên biệt như podcast, video chuyên đề, bản tin ESG định kỳ... nhằm lan tỏa hình ảnh một Tập đoàn chuyên nghiệp, minh bạch và có trách nhiệm xã hội cao. Việc số hóa nội dung truyền thông cũng giúp Tập đoàn chủ động hơn trong công tác đối ngoại và xây dựng uy tín trong cộng đồng doanh nghiệp năng lượng toàn cầu.

- *Thúc đẩy liên kết với các doanh nghiệp tư nhân trong toàn chuỗi giá trị, qua đó hình thành hệ sinh thái dầu khí - năng lượng tái tạo linh hoạt, có khả năng thích ứng nhanh với biến động thị trường, góp phần tăng tính kết nối, chia sẻ rủi ro, đồng thời tạo ra các giá trị cộng hưởng trong phát triển công nghệ và mở rộng thị phần.*
- *Gia tăng sử dụng năng lượng tái tạo trong hoạt động sản xuất - vận hành tại các nhà máy và công trình nhằm giảm phát thải khí nhà kính, tiết kiệm chi phí dài hạn và đóng góp vào mục tiêu phát thải ròng bằng 0 (Net Zero).*
- *Tái cấu trúc danh mục đầu tư theo hướng tập trung vào các dự án có tiềm năng sinh lời cao, đồng thời triển khai mô hình quản trị tài chính theo cụm ngành nhằm tăng cường liên thông dữ liệu, tối ưu dòng tiền và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản.*
- *Triển khai hệ thống giám sát sản xuất theo thời gian thực, tích hợp công nghệ cao và trí tuệ nhân tạo (AI) để dự báo rủi ro, tối ưu hóa hiệu suất vận hành và kéo dài tuổi thọ các thiết bị trọng yếu, giúp nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm chi phí khai thác và nâng tầm năng lực quản trị kỹ thuật của toàn Tập đoàn.*

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 7/2025

PHỤ LỤC I

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 6 NĂM 2025

| TT  | Các chỉ tiêu                                            | Đơn vị   | Tháng 6 năm 2025 | 6 tháng đầu năm 2025 | Tỷ lệ so sánh (%) |        |        |        |
|-----|---------------------------------------------------------|----------|------------------|----------------------|-------------------|--------|--------|--------|
|     |                                                         |          |                  |                      | A                 | B      | C      | D      |
| 1   | Tăng trưởng GDP                                         |          | n/a              | -                    | -                 | 107,96 | 107,52 | -      |
| 2   | Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)                       |          | n/a              | -                    | -                 | -      | 109,2  | -      |
| 3   | Hoạt động của doanh nghiệp                              |          |                  |                      |                   |        |        |        |
| 3.1 | Thành lập mới                                           | DN       | 24.400           | 152.700              | 161,4             | 160,5  | 126,5  | -      |
| 3.2 | Quay lại hoạt động                                      | DN       | 14.400           |                      | 179,5             | 191,1  |        | -      |
| 3.3 | Rút lui khỏi thị trường                                 | DN       | -                | 127.200              | -                 | -      | 115,5  | -      |
|     | - Ngừng kinh doanh có thời hạn                          | DN       | 6.433            | -                    | 108,6             | 118,7  | -      | -      |
|     | - Chờ làm thủ tục giải thể                              | DN       | 10.100           | -                    | 154,0             | 13,8   | -      | -      |
|     | - Hoàn tất giải thể                                     | DN       | 2.761            | -                    | 144,6             | 159,6  | -      | -      |
| 4   | Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội                        | Nghìn tỷ | -                | 1.591,9              | -                 | -      | 109,8  | -      |
| 4.1 | Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN                      | Nghìn tỷ | -                | 268,1339             | -                 | -      | 142,3  | -      |
| 4.2 | Vốn FDI đăng ký                                         | Tỷ USD   | -                | 21,52                | -                 | -      | 132,6  | -      |
| 4.3 | Vốn FDI thực hiện                                       | Tỷ USD   | -                | 11,72                | -                 | -      | 108,1  | -      |
| 5   | Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng | Nghìn tỷ | 570,2            | 3.416,8              | 99,8              | 108,3  | 109,3  | -      |
| 6   | Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa                       | Tỷ USD   |                  |                      |                   |        |        |        |
| 6.1 | Tổng kim ngạch xuất khẩu                                | Tỷ USD   | 38,49            | 219,83               | 99,7              | 116,3  | 114,4  | -      |
| 6.2 | Tổng kim ngạch nhập khẩu                                | Tỷ USD   | 36,66            | 212,20               | 93,9              | 120,2  | 117,9  | -      |
| 6.3 | Cán cân thương mại                                      | Tỷ USD   | Xuất siêu 2,83   | Xuất siêu 7,63       | -                 | -      | -      | -      |
| 7   | Chỉ số giá                                              |          |                  |                      |                   |        |        |        |
| 7.1 | Chỉ số giá tiêu dùng                                    |          |                  |                      | 100,48            | 103,57 | 103,27 | 102,02 |
| 7.2 | Chỉ số giá vàng                                         |          |                  |                      | 98,73             | 148,01 | 137,40 | 133,54 |
| 7.3 | Chỉ số giá Đô la Mỹ                                     |          |                  |                      | 100,32            | 103,06 | 103,30 | 102,92 |
| 7.4 | Lạm phát cơ bản                                         |          |                  |                      | 100,31            | 103,46 | 103,16 | -      |

A: Tháng 6/2025 so với tháng 5/2025B: Tháng 6/2025 so với tháng 6/2024

C: Bình quân 6 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳD: Tháng 6/2025 so với tháng 12/2024



Ảnh bìa: Tâm điểm của tháng 6 là việc Mỹ và Trung Quốc đạt được thỏa thuận khung, mở ra hy vọng giảm nhiệt căng thẳng thương mại.

Freepik



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM**  
**BAN KINH TẾ ĐẦU TƯ / PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO**

**VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH**  
*phối hợp thực hiện*